

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hồng Linh**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HỒNG HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hồng Linh**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng Linh

Mã SV: 1013401078

Lớp: QTL402K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

## **NHIỆM VỤ TỐT NGHIỆP**

### **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ):**

- Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập

### **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:**

**Số liệu năm 2011**

### **3. Địa điểm thực tập:**

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN HỒNG HẢI**

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Thị Thuý Hồng*

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải biển Hồng Hải.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012.

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 07 năm 2012.

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Nguyễn Thị Hồng Linh*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Ths. Nguyễn Thị Thuý Hồng*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUT *Trần Hữu Nghị***

## **NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm tốt nghiệp:**

- Tinh thần, thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp,
- Hoàn thành khoá luận đúng thời gian quy định.

### **2. Đánh giá chất lượng của khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu)**

Khoá luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia thành 3 chương:

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học. Đối với việc hạch toán doanh thu, chi phí, tác giả đã trình bày bằng sơ đồ kế toán rất ngắn gọn và logic.

- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Công ty CP vận tải biển Hồng Hải: Tác giả trình bày tương đối khoa học và hợp lý phần hạch toán giá vốn, doanh thu, chi phí quản lý doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu minh họa tháng 12 năm 2011. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào đến sổ sách và báo cáo tương đối hợp lý.

- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP vận tải biển Hồng Hải: Tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu.

### **3. Cho điểm của giáo viên hướng dẫn (ghi cả bằng số và chữ):**

***Bằng số:***

***Bằng chữ:***

*Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2012*

**Giáo viên hướng dẫn**

***Ths.Nguyễn Thị Thuý Hồng***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----

**PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP**

Họ và tên sinh viên: ..... Ngày sinh: ...../...../.....

Lớp: ..... Ngành: ..... Khóa .....

Thực tập tại: .....

Từ ngày: ...../...../... đến ngày ...../...../...

**1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:**

.....  
.....  
.....  
.....

**2. Về những công việc được giao:**

.....  
.....  
.....  
.....

**3. Kết quả đạt được:**

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ..... tháng ..... năm 2012

**Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập**

**Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở**

# MỤC LỤC

## LỜI MỞ ĐẦU

..... **Err**

### **or! Bookmark not defined.**

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

..... **Err**

### **or! Bookmark not defined.**

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

..... **Err**

### **or! Bookmark not defined.**

1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

..... **Err**

### **or! Bookmark not defined.**

1.1.1.1 Khái niệm

..... **Err**

### **or! Bookmark not defined.**

1.1.1.2. Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong doanh nghiệp

..... **Err**

### **or! Bookmark not defined.**

1.1.2. Tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu

..... **Err**

### **or! Bookmark not defined.**

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

..... **Err**

### **or! Bookmark not defined.**

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp



.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.1.3. Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ ghi nhận doanh thu chủ yếu	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.2.2.1. Tài khoản	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.2.2.2. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	

1.2.2.2.3. Các khoản thuế làm giảm doanh thu	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.2.2.4. Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ làm giảm doanh thu	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.3.3. Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.4.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng bán	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.4.2. Chứng từ sử dụng	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng	Err
.....	
<b>or! Bookmark not defined.</b>	

1.2.4.4. Quy trình hạch toán  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.5.3. Quy trình hạch toán  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.6.3. Quy trình hạch toán  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.2.7.3. Quy trình hạch toán  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.3.1. Hình thức kế toán áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải  
.....**Err**

**or! Bookmark not defined.**

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
2.1.5. Đặc điểm hình thức kế toán của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải	
<b>Error! Bookmark not defined.</b>	
2.1.5.1. Chế độ kế toán áp dụng	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
2.1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.2.1. Đặc điểm công tác kế toán doanh thu tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	
2.2.1.1. Đặc điểm	
.....	<b>Err</b>
<b>or! Bookmark not defined.</b>	

2.2.1.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu tại công ty cổ phần vận tải biển  
Hồng Hải ..... **Error! Bookmark not defined.**

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần vận tải  
biển Hồng Hải ..... **Error! Bookmark not defined.**

2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần  
vận tải biển Hồng Hải ..... **Error! Bookmark not defined.**

2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại  
công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải  
..... **Error!  
or! Bookmark not defined.**

2.2.4.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính  
..... **Error!  
or! Bookmark not defined.**

2.2.4.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính  
..... **Error!  
or! Bookmark not defined.**

2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác tại công ty cổ phần vận tải biển  
Hồng Hải ..... **Error! Bookmark not defined.**

2.2.6. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải  
..... **Error!  
or! Bookmark not defined.**

Chương 3 : Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải  
..... **Error!  
or! Bookmark not defined.**

3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác doanh thu, chi phí và  
xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải ... **Error!  
Bookmark not defined.**

3.1.1. Ưu điểm

.....Err

**or! Bookmark not defined.**

3.1.2. Hạn chế

.....Err

**or! Bookmark not defined.**

KẾT LUẬN

.....Err

**or! Bookmark not defined.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

.....Err

**or! Bookmark not defined.**

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình phát triển kinh tế dù ở bất kỳ quốc gia nào, doanh nghiệp là đơn vị sản xuất cơ sở, là một tế bào của nền kinh tế, là nơi trực tiếp phối hợp các yếu tố sản xuất hợp lý để tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ một cách hiệu quả nhất. Sự phát triển của doanh nghiệp là tiền đề tạo nên sự phát triển của xã hội. Chúng ta không thể phủ nhận rằng các doanh nghiệp có đóng góp không nhỏ trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội vào các công trình phúc lợi xã hội và góp phần giải quyết việc làm. Nhưng trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, một doanh nghiệp muốn tồn tại, phát triển và đạt được lợi nhuận kì vọng là điều không dễ dàng. Bởi vậy các doanh nghiệp luôn luôn phải quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, chú trọng đến các chi phí bỏ ra, doanh số thu được và kết quả kinh doanh. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sau quá trình học tập và nghiên cứu tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng, em đã được các thầy cô giáo tận tình cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành kế toán. Trong thời gian đi thực tập tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải, được sự chỉ bảo tận tình của các cô phòng kế toán và các thầy cô tại trường, em có cơ hội tiếp cận sâu hơn với chuyên ngành qua những thao tác thực tế, gắn kiến thức nhà trường với việc ghi chép, đánh giá phân tích kế toán. Cùng với đó, nhờ sự hướng dẫn và chỉ bảo tận tình của cô giáo: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng em đã chọn đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải** ” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương sau:

**Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**



**Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

**Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

Trong quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

**Sinh viên**

**Nguyễn Thị Hồng Linh**

# **Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

## **1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.1.1.1 Khái niệm**

##### **❖ Doanh thu:**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu tài chính là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

##### **❖ Các khoản giảm trừ doanh thu:**

Chiết khấu thương mại: Là khoản mà người bán trích cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết về mua, bán hàng.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lí do bán hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

Hàng bán bị trả lại: Là khối lượng hàng bán xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Thuế xuất nhập khẩu: Thuế xuất nhập khẩu hay thuế xuất - nhập khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi hai loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Đó là thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu. Thuế nhập khẩu là thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu, còn thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Thuế giá trị gia tăng ( GTGT) của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên phần giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ.

Đây là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

#### ❖ Chi phí:

*Khái niệm:*

Chi phí nói chung là sự hao phí được thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại dịch vụ nhằm đến việc đạt được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp: Doanh thu và lợi nhuận.

*Phân loại chi phí:*

- Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

- Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng : phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), kinh phí công đoàn...
- Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển sản phẩm,... dùng cho bộ phận bán hàng.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...
- Chi phí khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) phản ánh khoản chi phí khấu hao ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng...
- Chi phí bảo hành: dùng để phản ánh chi phí dùng để bảo hành hàng hóa, sản phẩm.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho bán hàng, tiền thuê kho, bến bãi...

- Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quảng cáo...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chính của toàn doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý : phản ánh chi phí vật liệu dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ...

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công ty quản lý.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc

- Thuế, phí và các lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và các lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi phí mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...

- Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí kể trên, như chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe,...

- Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

- Chi phí khác

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế. Truy nộp thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

❖ **Xác định kết quả kinh doanh:**

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua các chỉ tiêu lãi lỗ.

**1.1.1.2. Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong doanh nghiệp**

Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng: Theo phương thức này, người mua đến nhận hàng tại kho bán của doanh nghiệp. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội tụ đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay chỉ mới nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và giá trị của nó được ghi nhận là doanh thu.

Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng : Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua , giá trị hàng hóa đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

Phương thức đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng : Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả lại cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi, số sản phẩm, hàng hóa nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ.

Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu sẽ được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần.

Phương thức hàng đổi hàng : Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm , vật tư, hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

### **1.1.2. Tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu:**

- Đối với doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp cho người mua, có nghĩa là khi đã chuyển giao rồi nếu xảy ra các hiện tượng như mất, bị hỏng thì sự thiệt hại này các đơn vị mua hàng phải gánh chịu, doanh nghiệp không phải chịu bất kỳ một tổn thất nào.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ kế toán theo



kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu có được tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Việc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ thực hiện khi các doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ và dịch vụ được bên giao dịch mua dịch vụ chấp thuận. Giá trị của dịch vụ được bên nhận dịch vụ chấp nhận thanh toán. Khoản thu từ việc cung cấp dịch vụ này tại thời điểm cung cấp dịch vụ là chắc chắn có thể thu được do sự chấp nhận dịch vụ.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Trên đây là một số những quy định chung khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do đó những khoản thu nào không thỏa mãn những điều kiện trên không thể được ghi vào doanh thu trong kỳ của các doanh nghiệp.

### **1.1.3. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời và thực hiện phân loại doanh thu, chi phí theo đúng nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định.
- Tổ chức kế toán chứng từ, tài khoản doanh thu chi phí, xác định kết quả kinh doanh phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn bán hàng đúng để đảm bảo độ chính xác của chi tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý, phân bổ chi phí hợp lý.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu, các khoản chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản thuế phải nộp nhà nước đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho nhà quản trị kịp thời, chính xác.
- Cung cấp thông tin kinh tế cần thiết cho các đối tượng sử dụng thông tin liên quan. Định kỳ tiến hành phân tích kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối lợi nhuận để từ đó tham mưu cho ban lãnh đạo về các giải pháp gia tăng lợi nhuận.

## **1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **1.2.1.1. Chứng từ sử dụng**

Doanh thu được hạch toán phải có căn cứ cụ thể, hợp pháp. Mỗi một loại doanh thu được ghi nhận theo từng phương pháp bán hàng lại có những chứng từ phù hợp để ghi nhận doanh thu. Chứng từ doanh thu gồm những loại sau đây:

- Đối với bán hàng thông thường
  - Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).
  - Hóa đơn bán hàng thông thường
  - Phiếu xuất kho
  - Phiếu thu tiền hoặc giấy báo có của ngân hàng.

- Đối với bán hàng đại lý

Ngoài những chứng từ sử dụng như trong bán hàng thông thường còn có bảng kê hàng hóa bán ra, bảng kê hàng gửi đại lý...

- Đối với bán lẻ

Nếu hàng hóa bán lẻ dưới 100.000 đồng thì không cần lập hóa đơn nếu khách hàng không yêu cầu. Ngoài những chứng từ sử dụng như trong trường hợp bán hàng thông thường thì đối với bán lẻ cần phải lập bảng kê bán ra.

#### **1.2.1.2. Tài khoản sử dụng**

- ❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:**

511

Số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán	Doanh thu bán hàng sản phẩm , hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán
Số thuế GTGT phải nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	
Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ	
Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ	
Kết chuyển danh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	

*Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.*

Tùy theo điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu mỗi doanh nghiệp sẽ xây dựng chi tiết các tài khoản cấp hai cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình. Tài khoản 511 chi tiết thành 6 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

**Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:**

512

Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán

Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán nội bộ

Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

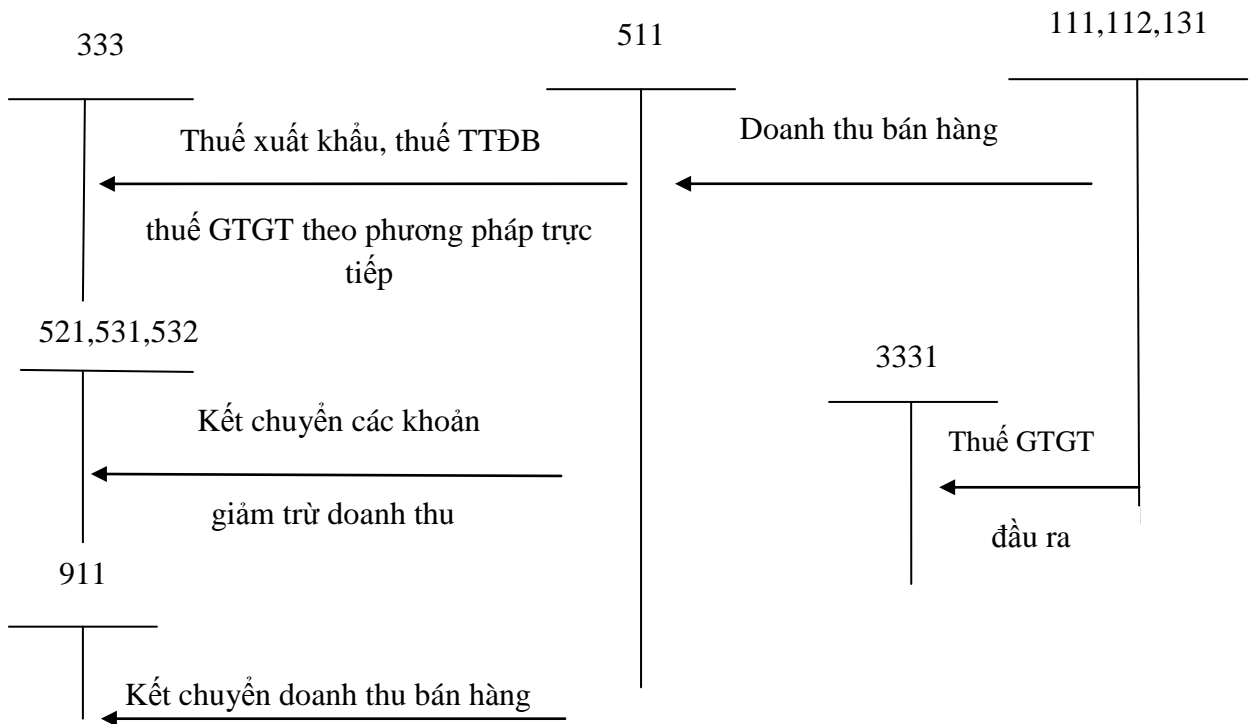
Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

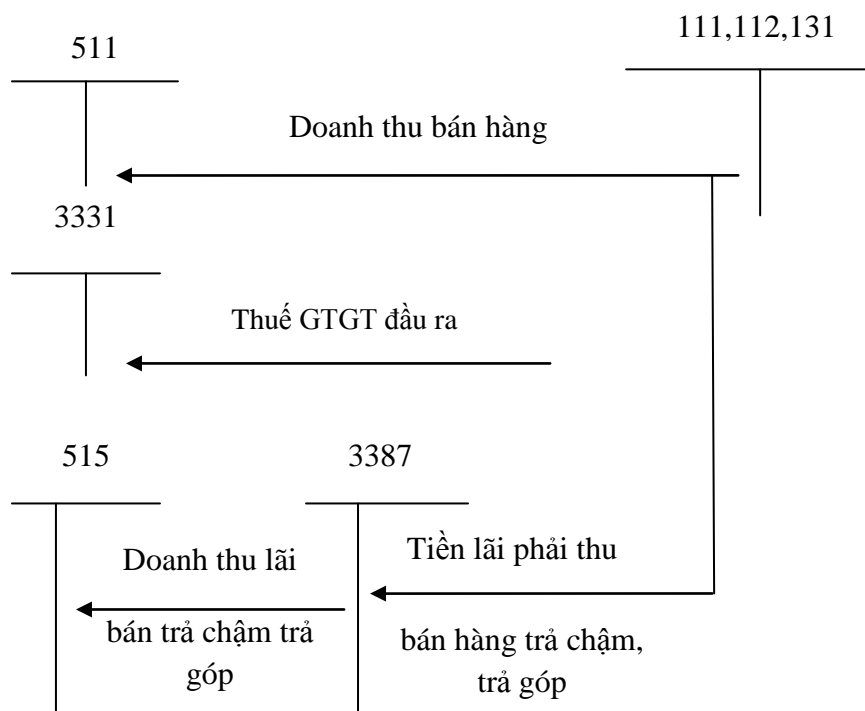
**1.2.1.3. Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ ghi nhận doanh thu chủ yếu**

Quy trình hạch toán doanh thu của doanh nghiệp được thể hiện thông qua sơ đồ kế toán như sau:

**Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trực tiếp**

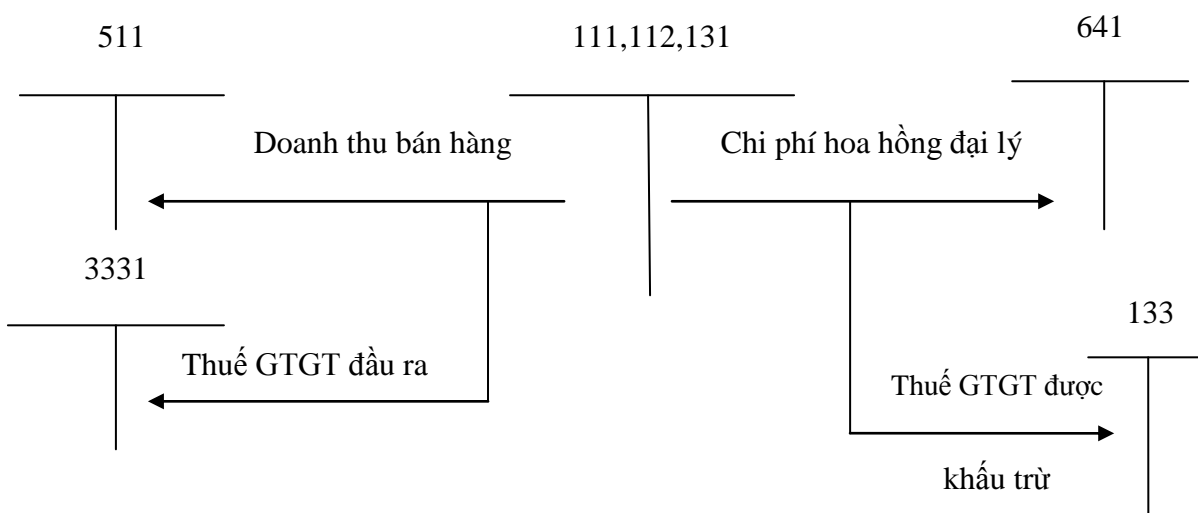


**Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp**

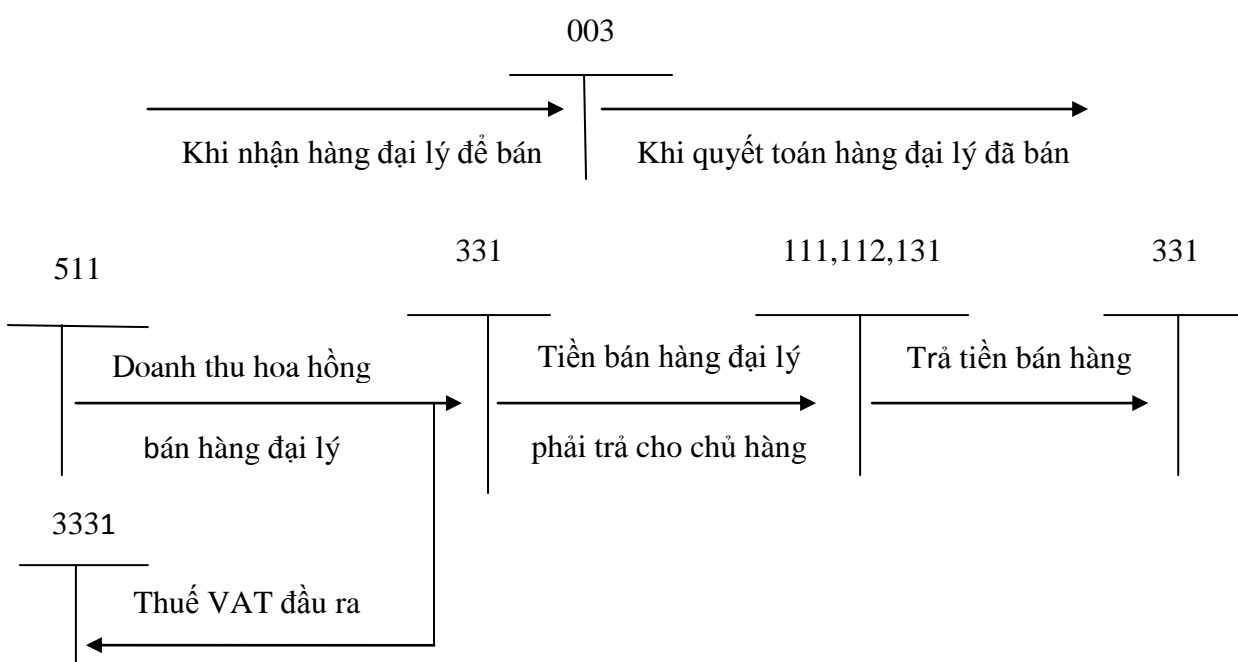


**Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức gửi đại lý**

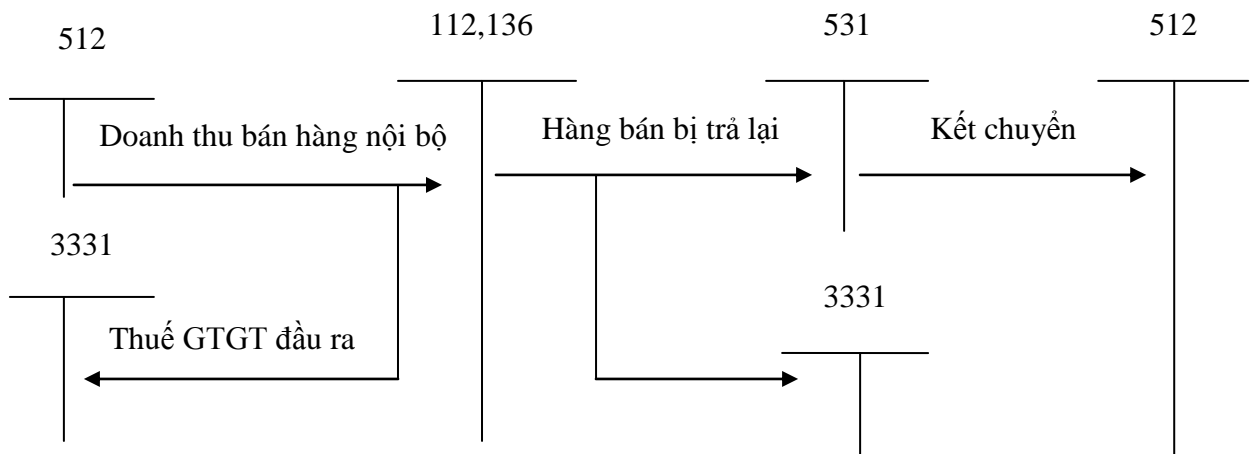
❖ **Tại đơn vị giao hàng cho đại lý:**



❖ **Tại đơn vị nhận làm đại lý :**



**Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ**



**1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp bị giảm doanh thu bán hàng do các nguyên nhân: thực hiện chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, doanh nghiệp nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kì kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được theo dõi trực tiếp, riêng biệt trên những toàn khoản kế toán phù hợp để lập báo cáo tài chính.

**1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT;
- Phiếu chi, giấy báo nợ;
- Phiếu nhập kho;
- Các chứng từ khác có liên quan.

**1.2.2.2. Tài khoản sử dụng**

**1.2.2.2.1. Tài khoản**

- Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”
- Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”
- Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán”



**1.2.2.2.2. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản**

521,531,532,

<p>Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng</p> <p>Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào các khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán</p> <p>Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế</p>	<p>Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ sang tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo</p>
---	--

==

**1.2.2.2.3. Các khoản thuế làm giảm doanh thu**

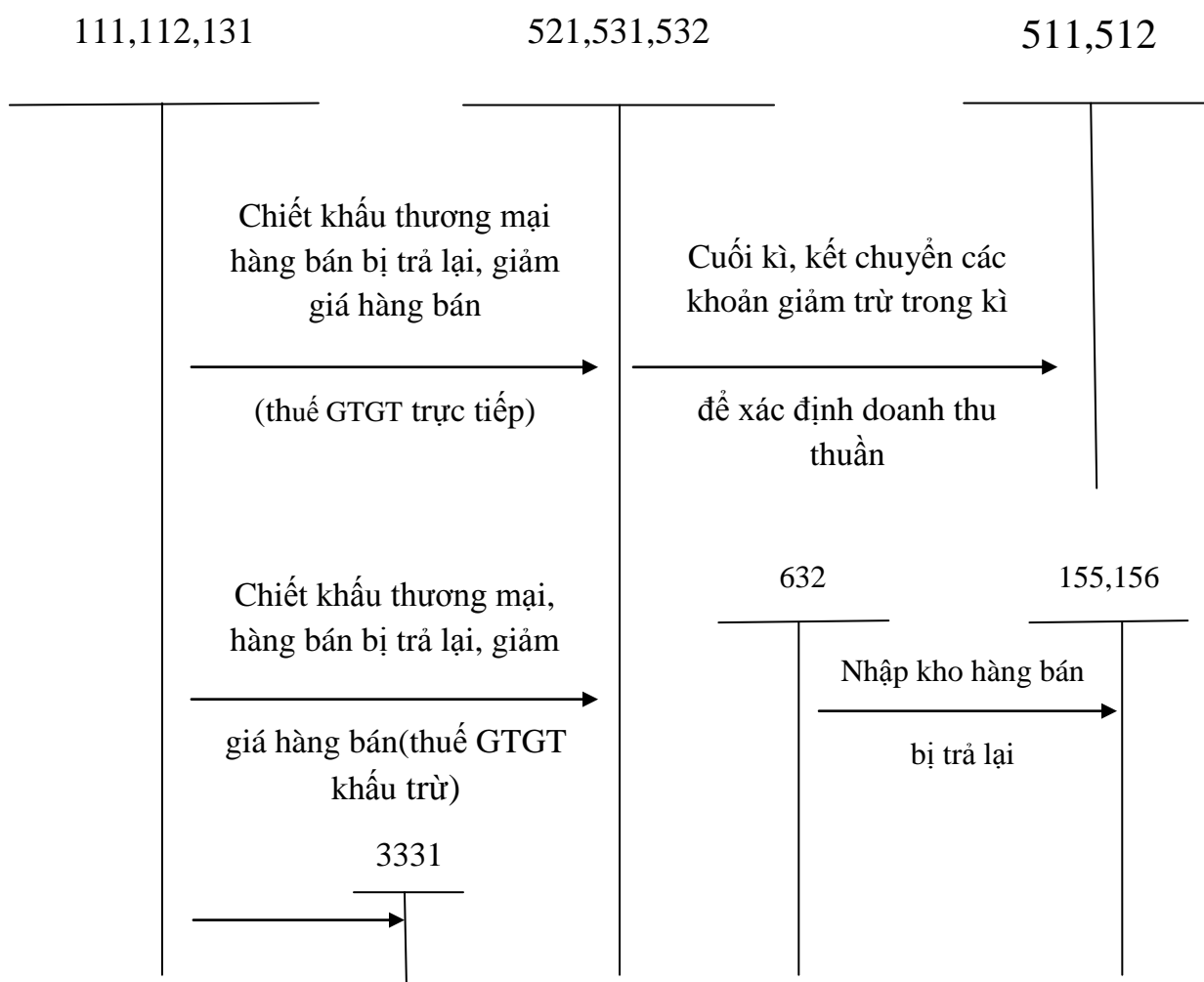
333

<p>Kết chuyển số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ</p> <p>Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước</p> <p>Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá</p>	<p>Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp</p> <p>Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp Ngân sách Nhà nước</p>
<p>Số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước</p>	<p>Số thuế, lệ phí và các khoản còn phải nộp vào ngân sách nhà nước</p>

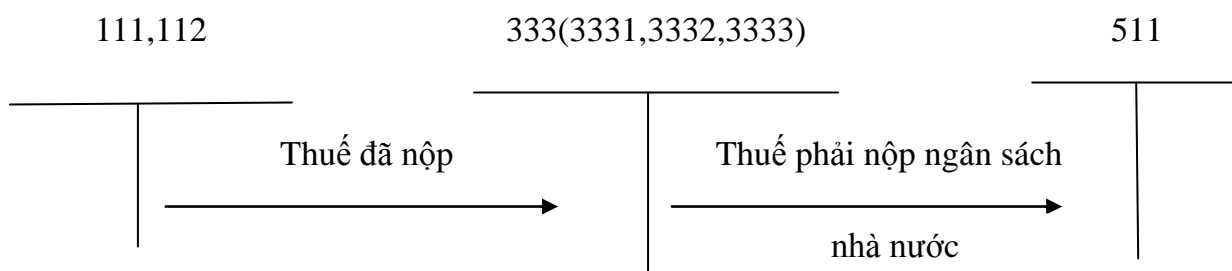
**1.2.2.2.4. Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ làm giảm doanh thu:**

Quy trình hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát theo 2 sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.5: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**



**Sơ đồ 1.6: Kế toán các khoản thuế làm giảm doanh thu**



### 1.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính

#### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:**

515

Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)	Tiền lãi cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi do nhượng bán các khoản đầu tư và công ty con, công ty liên doanh, liên kết, chiết khấu thanh toán được hưởng
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh, Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh sau khi bán ngoại tệ
	Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính

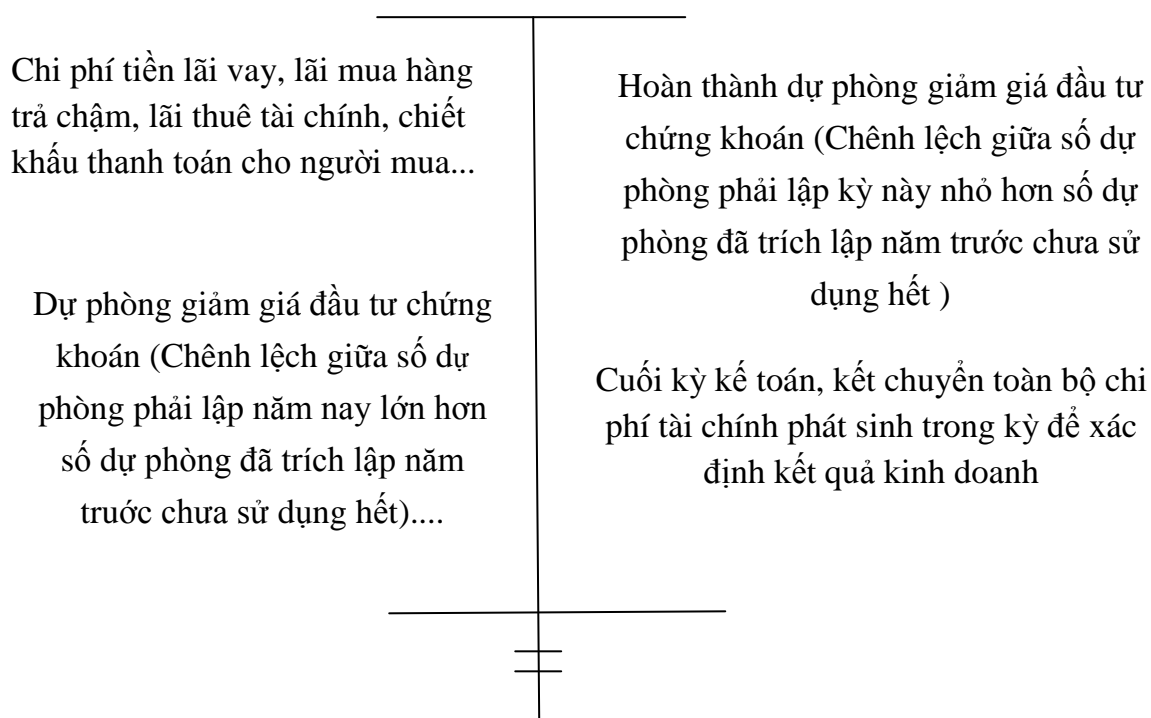
❖ Tài khoản 635 “ Chi phí hoạt động tài chính”

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính.

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí

**Kết cấu nội dung phản ánh của tài khoản**

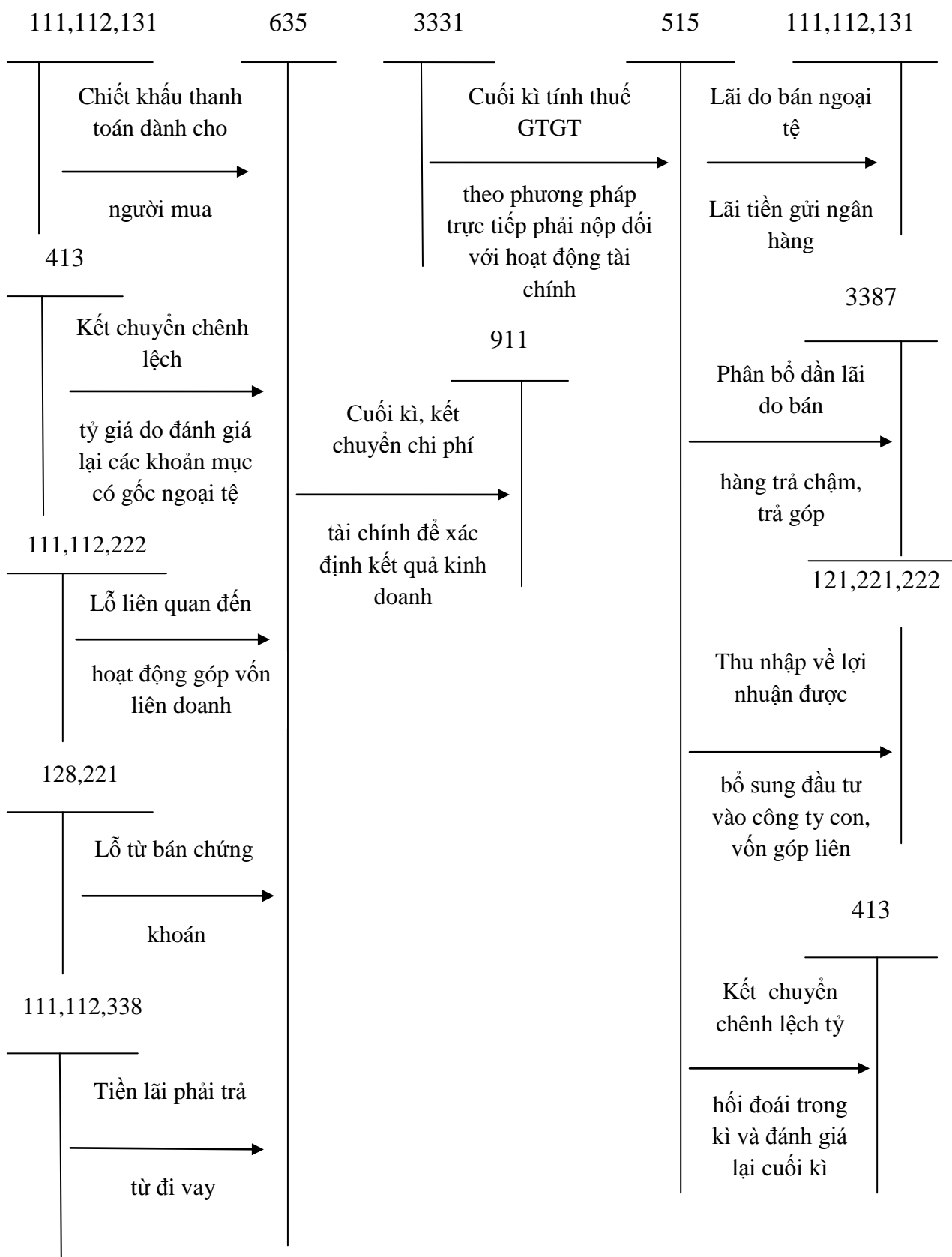
635



**1.2.3.3. Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ**

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính**



## 1.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán

### 1.2.4.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

❖ Phương pháp Nhập trước-Xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này, số vật liệu nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Nói cách khác, cơ sở này của phương pháp này là giá thực tế vật liệu mua trước sẽ được dùng làm giá cho vật liệu xuất trước. Do vậy, giá vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá vật liệu mua sau cùng.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):

Phương pháp này định giá vật liệu mua sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp nhập này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, vật liệu được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô, giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất dùng (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất vật liệu nào sẽ tính giá thực tế của vật liệu đó.

Do vậy, phương pháp này còn có tên là phương pháp đặc điểm riêng và thường được sử dụng với vật liệu có giá trị cao, có tính tách biệt.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này giá thực tế của hàng xuất kho được tính theo giá bình quân

Trị giá thực tế hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x đơn giá thực tế

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng thực tế hàng xuất kho x giá đơn vị bình quân

Giá đơn vị bình quân được tính theo một trong hai cách sau:

- Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

Giá đơn vị bình quân =  $\frac{\text{Trị giá hàng i tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{lượng hàng i nhập trong kỳ}}$

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ này mặc dù đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến công việc quyết toán chung.

- Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập i =  $\frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập i}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập i}}$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập khắc phục nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

#### 1.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu xuất kho;
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

## Kết cấu tài khoản

632

Giá vốn hàng đã bán, chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn bán hàng trong kỳ..

Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành

Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn năm trước chưa sử dụng hết)

Trị giá vốn thành phẩm tồn kho đầu kỳ

Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành

Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

Kết chuyển giá vốn hàng đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kì vào bên nợ TK 155 “Thành phẩm”

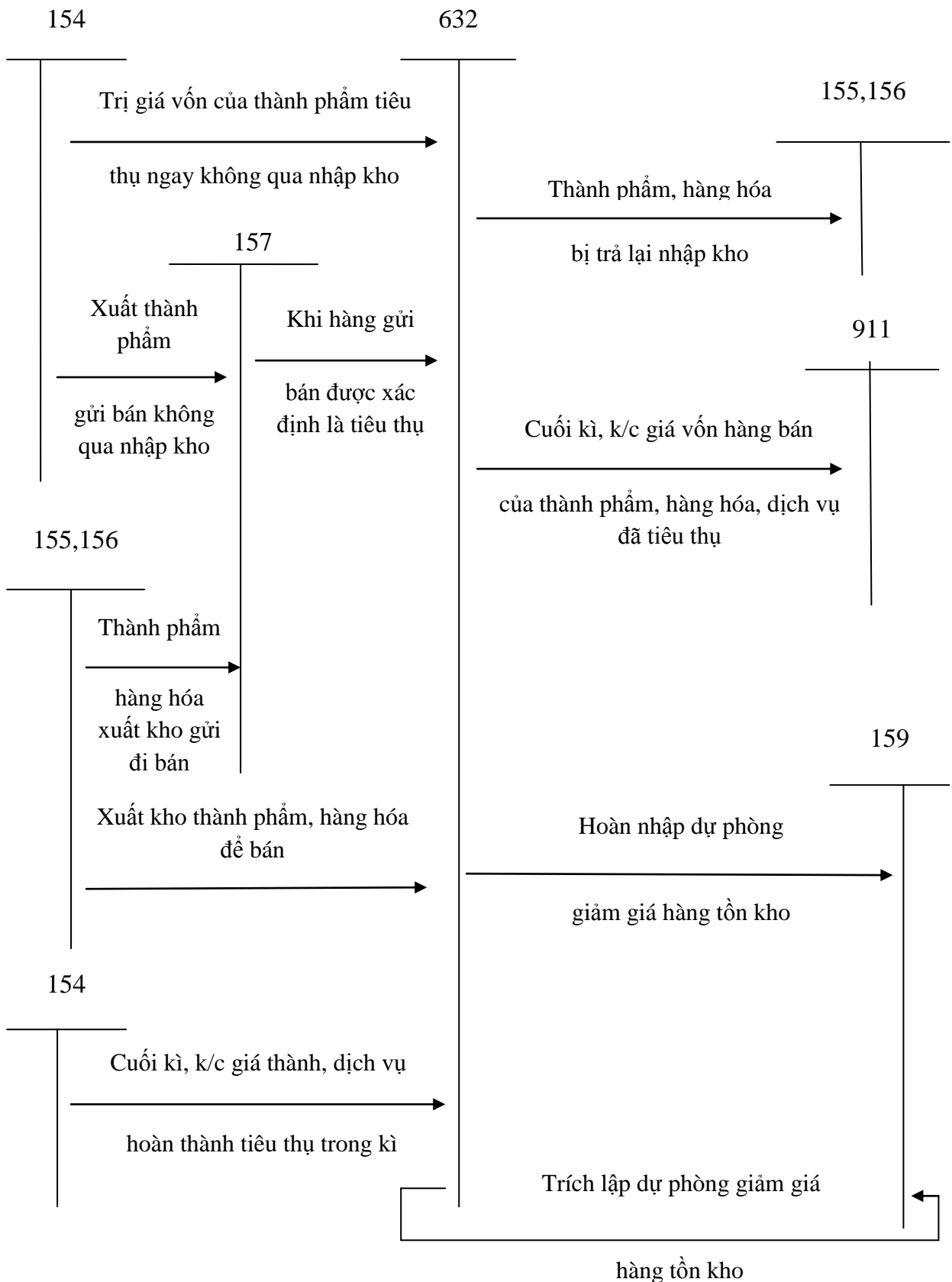
---

—  
—

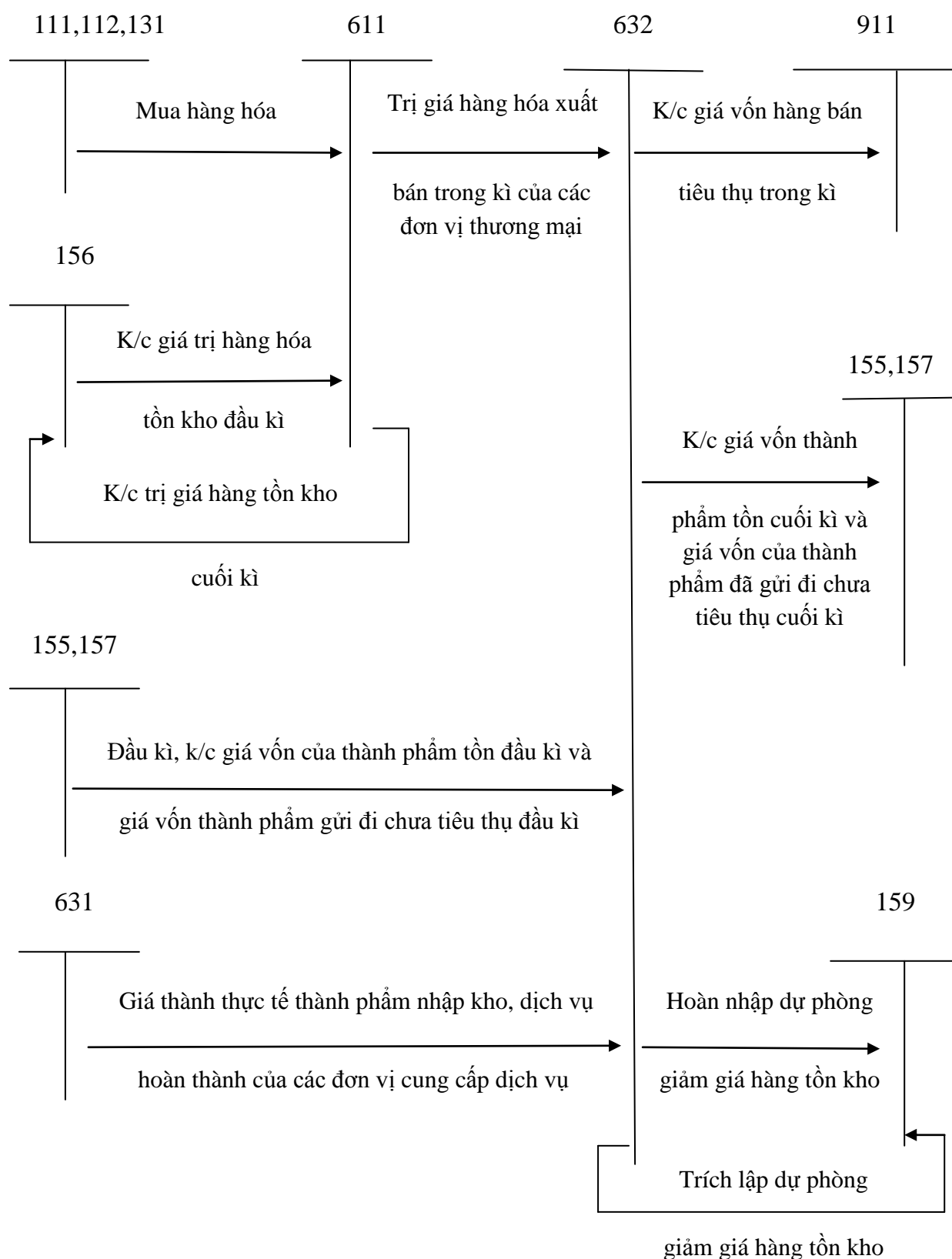


1.2.4.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.8. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



**Sơ đồ 1.9. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



## 1.2.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

### 1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ có liên quan khác.

### 1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

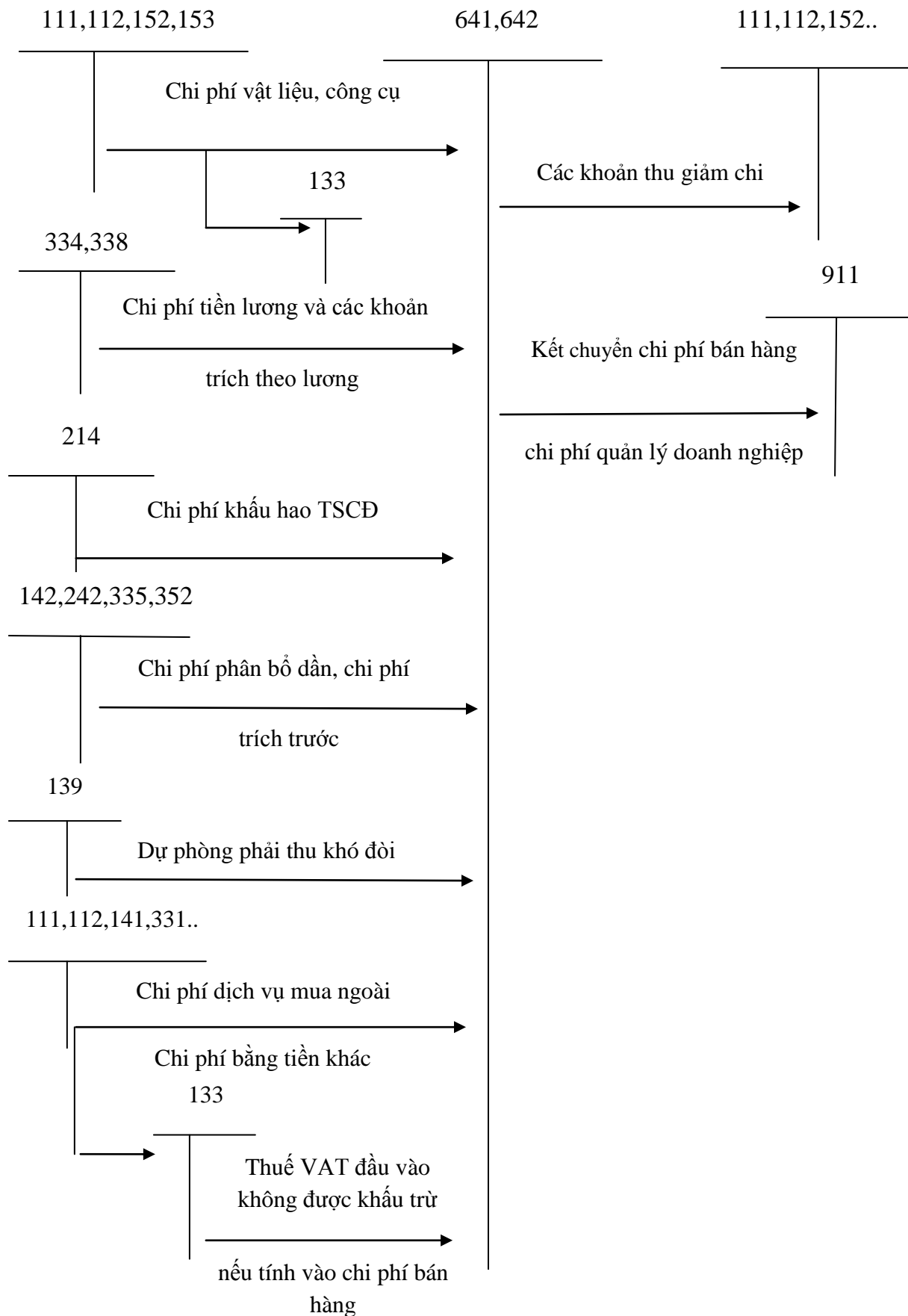
641,642

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ	Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ
Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)	
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	

### 1.2.5.3. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**



## 1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

### 1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản giao nhận, thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ có liên quan khác

### 1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản**

711

Số thuế GTGT phải nộp ( nếu có ) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp	Thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ
Số thuế GTGT phải nộp ( nếu có ) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp	Nợ khó đòi đã xóa sổ nay thu hồi được
	Các khoản nợ không ai đòi ghi tăng thu nhập
	Các khoản thu nhập của năm trước bị bỏ sót, hay quên ghi sổ năm nay phát hiện ra
	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

❖ Tài khoản 811 “ Chi phí khác”

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

**Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản**

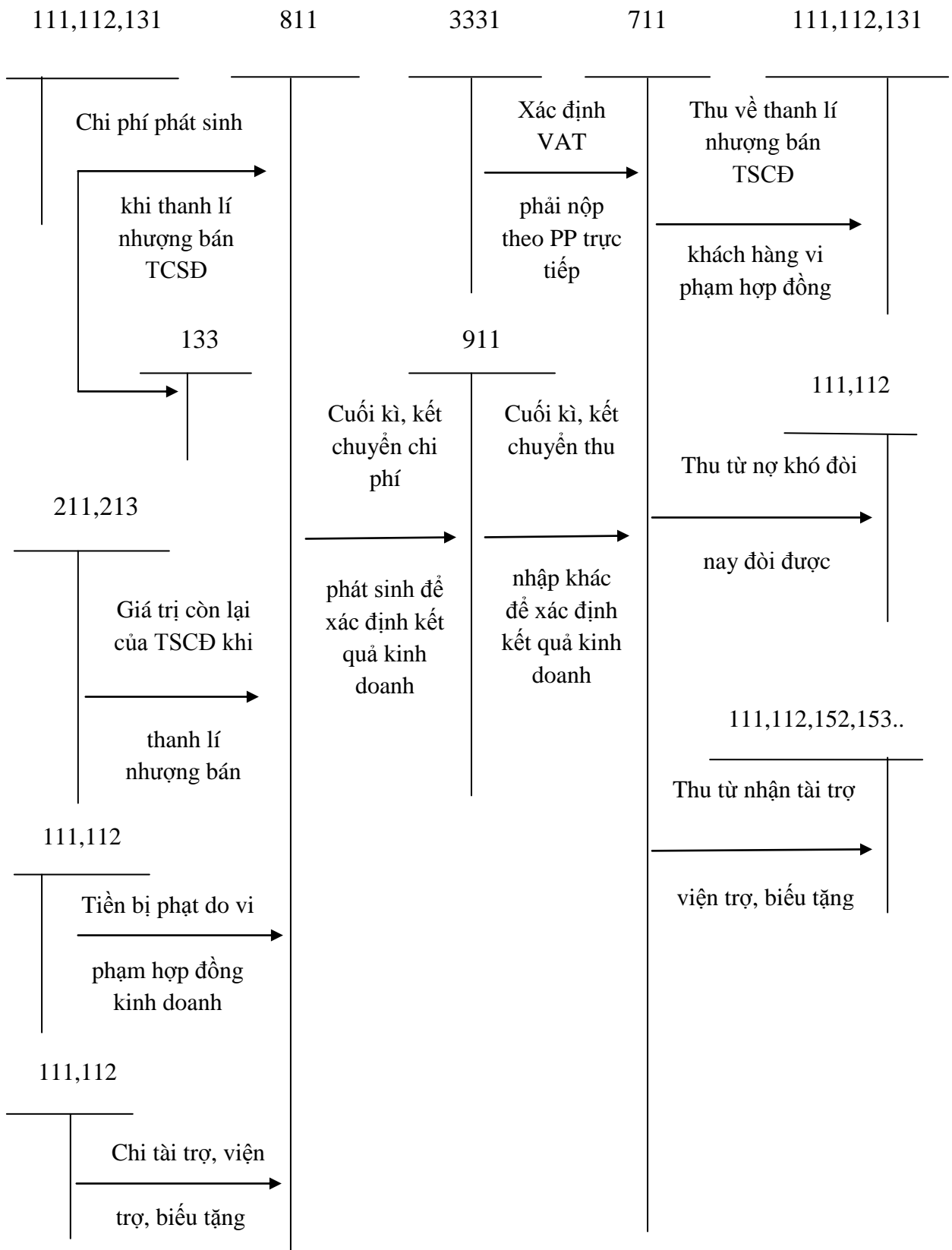
811

Số tiền phạt do vi phạm hợp đồng, bị phạt thuế, truy thu thuế	Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
Các chi phí liên quan đến xử lý thiệt hại trong trường hợp đã mua bảo hiểm	
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán, lãi tiền vay quá hạn vượt khung, số tiền ký quỹ bị phạt	
Các khoản chi phí khác phát sinh	

**1.2.6.3. Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ sau

**Sơ đồ 1.11: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**



## 1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 1.2.7.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

### 1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm.

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành. Các khoản doanh thu và thu nhập khác kết chuyển vào tài khoản này phải là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

911

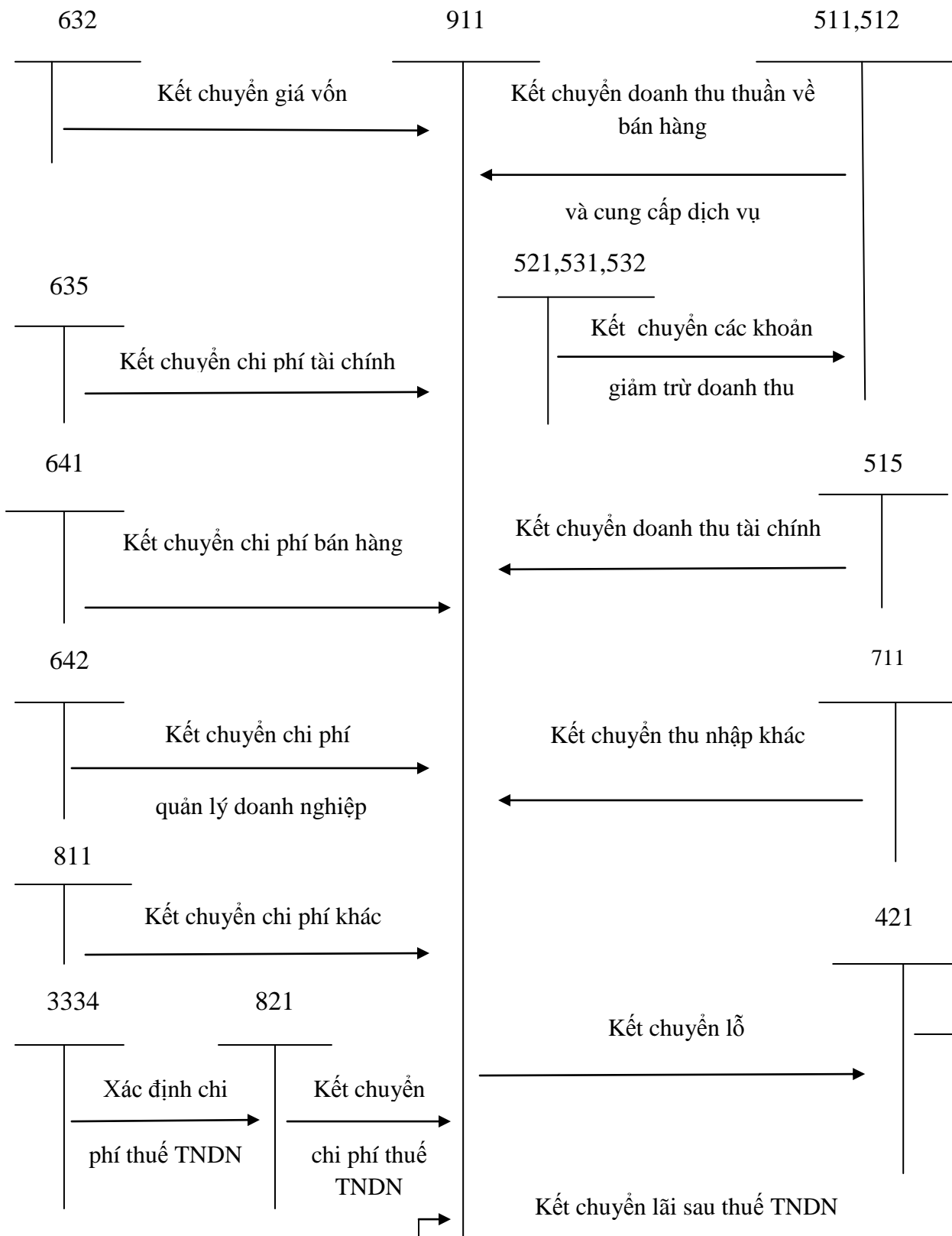
Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán	Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán trong kỳ
Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí khác	Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Kết chuyển lỗ
Kết chuyển lãi sau thuế	



**1.2.7.3. Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



### **1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### **1.3.1. Hình thức kế toán áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Các hình thức kế toán áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung do đó đề tài sẽ đi sâu nghiên cứu hình thức này

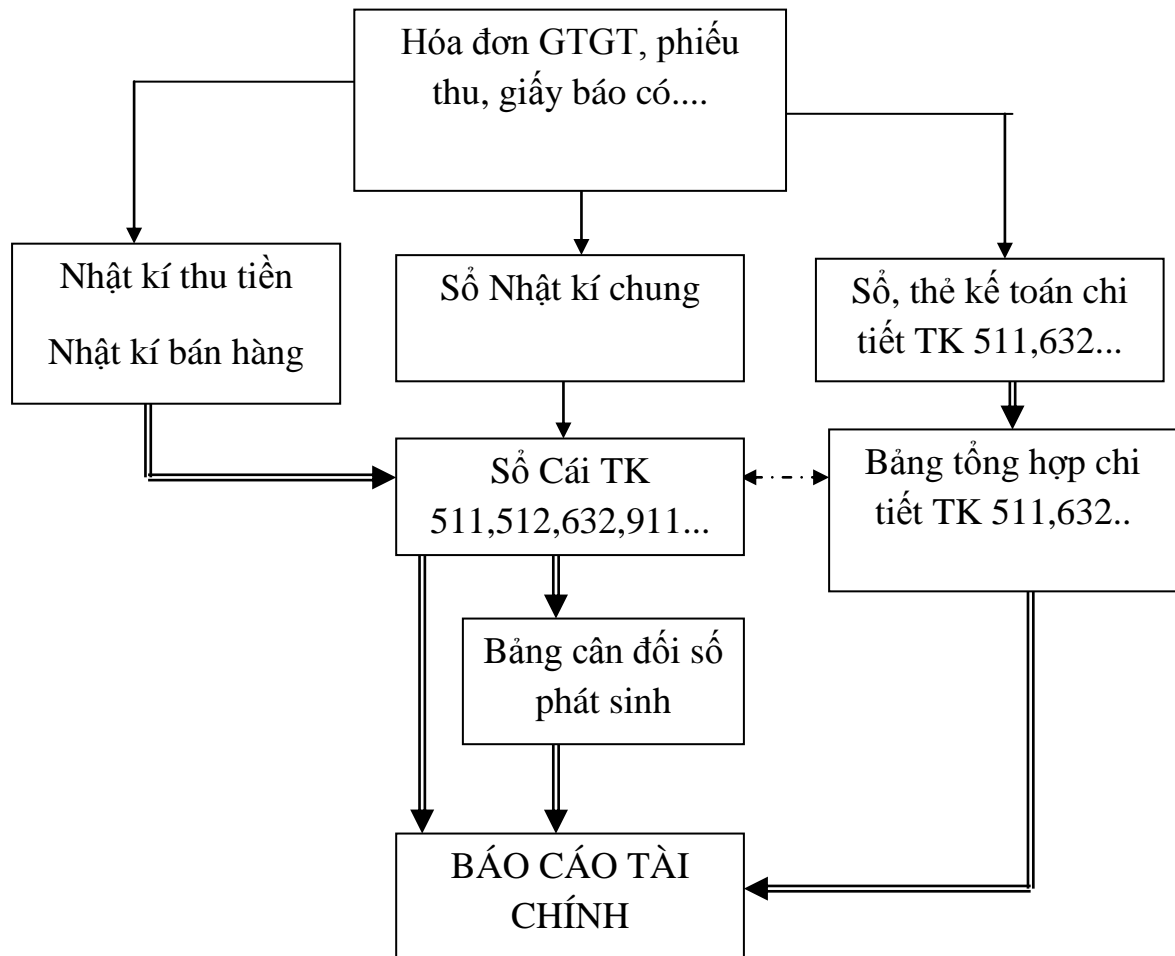
#### **1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

(1) Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc trên sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt ) cùng kỳ

**Sơ đồ 1.13 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

## **Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

### **2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

- Tên công ty viết bằng tiếng việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HỒNG HẢI

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

RED SEA SHIPPING JOINT STOCK COMPANY

- Tên công ty viết tắt:

R.S.S.CO

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 49 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng

- Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

- Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp:

Số cổ phần: 90.000 cổ phần

Trị giá cổ phần: 9.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật của công ty:

- Chức danh: Giám đốc

- Họ và tên: BÙI MẠNH TIẾN

- Ngày sinh: 20/03/1975

- Chứng minh nhân dân (hộ chiếu) số: 030923616

- Ngày cấp: 12/01/2000

- Nơi cấp: CA Hải Phòng

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lâm Cao, xã Tụ Cường, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng

- Chỗ ở hiện tại: Số 135/5 Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng

- Danh sách cổ đông sáng lập

T T	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú/ địa chỉ trụ sở chính	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần triệu đồng	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số QĐ, số GCN ĐKKD, số CMND, Số hộ chiếu
1	Bùi Mạnh Tiến	Thôn Lâm Cao, xã Tụ Cường, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng	Phổ thông	55.500	5.550,00	61,67	30923616
2	Ngô Toàn Thắng	Số 19/199 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Phổ thông	4.500	450,00	5,00	30242375
3	Nguyễn Xuân Dương	Số 237, cụm 3, phường Đông Khê, quận Ngô quyền, Hải Phòng	Phổ thông	30.000	3000,00	33,33	30034991

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải là loại hình công ty cổ phần với ngành nghề chính là :vận tải biển và mua bán xăng dầu. Tại các quốc gia có nền

kinh tế thị trường phát triển, loại hình công ty cổ phần chiếm phần lớn trong tổng doanh số hoạt động của doanh nghiệp, Hơn nữa quy mô vốn đầu tư và quy mô hoạt động của các công ty này cũng lớn hơn rất nhiều so với các công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân.

Một số đặc điểm của công ty cổ phần như sau:

Công ty cổ phần là pháp nhân tồn tại độc lập tách khỏi các chủ sở hữu của nó. Công ty có thể có tài sản, huy động kinh phí, thiết lập các nghĩa vụ bằng hợp đồng và tiến hành nhiều công việc khác với tên riêng của nó. Bởi lẽ công ty là một pháp nhân độc lập nên đời sống của nó không phụ thuộc vào sự ra đi hay rút lui của một chủ sở hữu.

Các chủ sở hữu có thể chuyển giao quyền sở hữu cho người khác một cách dễ dàng mà không gây gián đoạn hoạt động của công ty. Chủ sở hữu của công ty chịu trách nhiệm hữu hạn, giới hạn trên phần vốn đã đầu tư vào công ty.

### **2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải đường thủy	501
2	Vận tải đường thủy nội địa	502
3	Dịch vụ đại lý tàu biển	52291
4	Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	52292
5	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
6	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, và xe có động cơ khác)	33150
7	Đóng tàu và thuyền	301
8	Bán buôn vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng hàng hải, vật tư tàu biển, điện tử hàng hải	46599
9	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy	465
10	Phá dỡ	43110

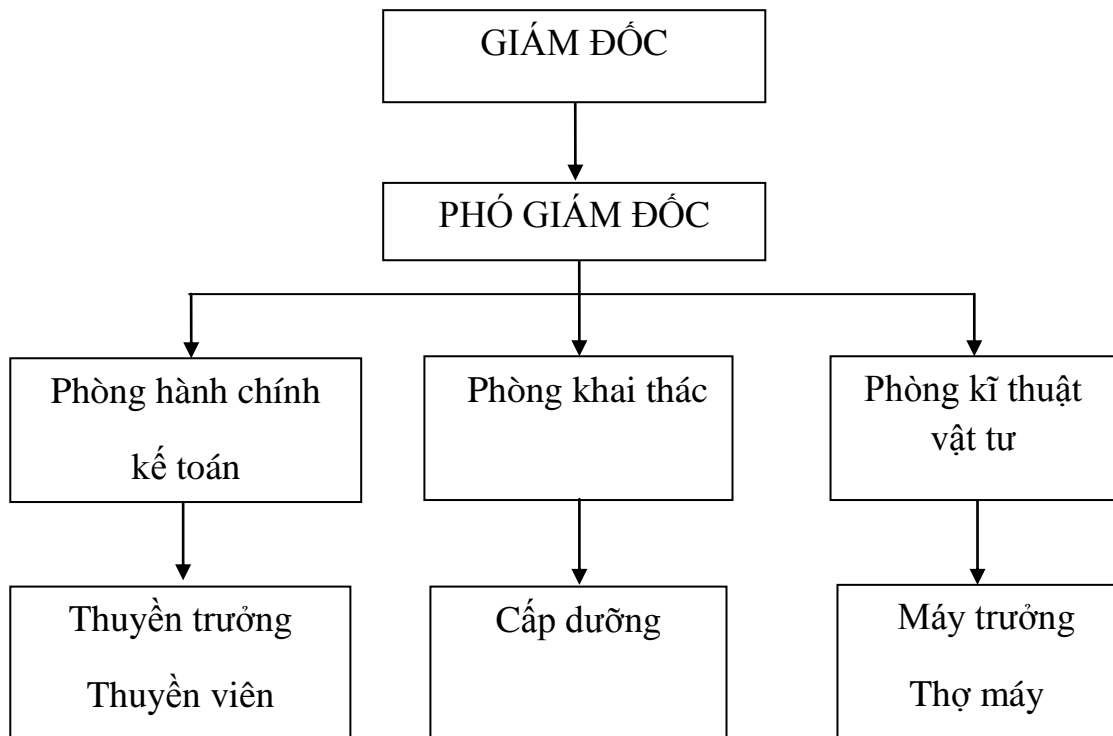
Khóa luận tốt nghiệp

11	Đào tạo nâng cao nghiệp vụ hàng hải Nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật	85590
12	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	78100
13	Cho thuê tàu	77309
14	Gia công cơ khí	25920
15	Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá	82990
16	sản xuất thiết bị phụ trợ cho tàu	30990
17	Môi giới hàng hoá (không bao gồm môi giới tài chính, bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm)	46102
18	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	46697
19	Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	46611
20	Bán buôn dầu thô	46612
21	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	46613
22	Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	46614
23	Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng	49329
24	Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng và quản lý lao động đi làm việc ở nước ngoài)	78301

### 2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Cơ cấu tổ chức của công ty được khái quát theo sơ đồ dưới đây:

**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**



#### Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận:

- Giám đốc:
  - Do hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với công ty về các vấn đề như: đưa ra các kế hoạch kinh doanh, điều hành chỉ đạo công ty, liên doanh liên kết kinh tế, kế hoạch tổ chức cán bộ.
  - Giám đốc có nhiệm vụ quyền hạn cao nhất trong công ty, nhân danh công ty quyết định các vấn đề hoạt động của công ty.
- Phó giám đốc:
  - Phụ trách phát triển nâng cao chất lượng các dịch vụ thương mại vận tải
  - Chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực được phân công. Phó giám đốc được quyền chủ động điều hành công việc theo đúng chủ trương lãnh đạo của doanh nghiệp.

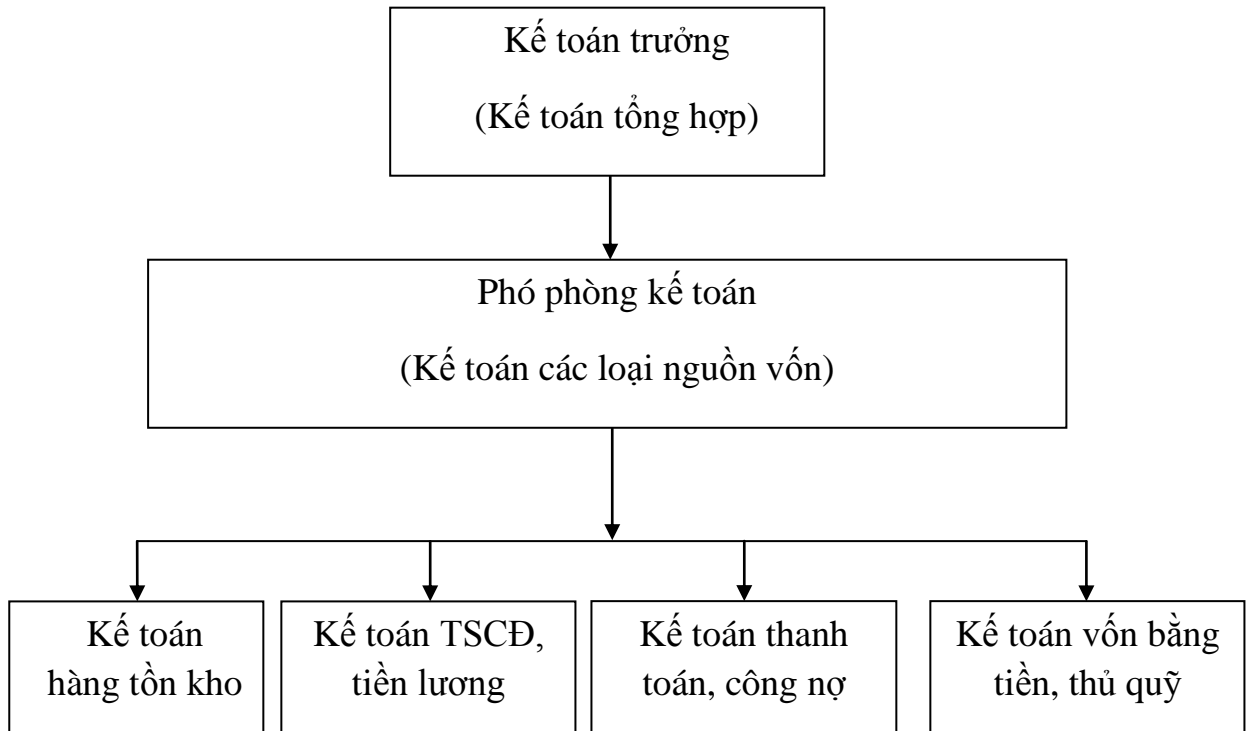


- Phòng hành chính - kế toán:
  - Tham mưu cho giám đốc về việc quản lí, công tác tổ chức nhân sự của công ty.
  - Bảo quản các giấy tờ tài liệu, lập kế hoạch trang bị, mua sắm các thiết bị phục vụ văn phòng
  - Soạn thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc, tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến.
  - Chịu trách nhiệm tiếp khách và tổ chức hội nghị trong công ty
  - Thực hiện chủ trương các chính sách của Đảng và Nhà nước, các chế độ quy định về tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
  - Thực hiện các hoạt động quản lí nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của nhà nước.
  - Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề tài chính nhằm tham mưu cho ban giám đốc đưa ra những quyết định về tài chính.
  - Kiểm tra việc kiểm kê định kì hàng năm để quản lí điều hành và phục vụ quyết toán tài chính, tính và lập giá thành, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lí của công ty.
- Phòng khai thác:
  - Tìm hiểu, phân tích các thông tin về thị trường đầu ra và đầu vào báo cáo cho ban giám đốc để Giám đốc đưa ra phương hướng quyết định điều chỉnh những yếu tố có liên quan đến sản phẩm của công ty.
  - Làm nhiệm vụ tham mưu giúp giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh.
- Phòng kĩ thuật vật tư:
  - Chịu trách nhiệm về máy móc kĩ thuật của doanh nghiệp.
- Các thuyền trưởng và thuyền viên:
  - Trực tiếp làm nhiệm vụ vận chuyển hàng hoá.
- Máy trưởng và thợ máy:
  - Trực tiếp xem xét sửa chữa tàu.

#### 2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Toàn bộ công việc kế toán từ ghi sổ kế toán đến việc tổng hợp báo cáo đều được thực hiện tại phòng hành chính - kế toán

*Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải*



#### **Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:**

Nhiệm vụ của kế toán là thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của nhà nước. Đồng thời, cung cấp thông tin về tình hình tài chính của công ty một cách đầy đủ chính xác nhất, từ đó tham mưu cho ban giám đốc đề ra các biện pháp phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Kế toán trưởng:
  - Phụ trách chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty.
  - Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.
  - Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho ban lãnh đạo công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.
  - Kiêm kế toán tổng hợp

- Phó phòng kế toán:
  - Tham mưu cho kế toán trưởng về công tác kế toán trong công ty.
  - Phó phòng kế toán kiêm kế toán các loại nguồn vốn trong công ty.
- Kế toán TSCĐ và tiền lương:
  - Quản lí, kiểm kê và đánh giá TSCĐ của doanh nghiệp.
  - Trích khấu hao TSCĐ.
  - Mở sổ theo dõi tình hình biến động của TSCĐ.
  - Hàng tháng căn cứ vào kết quả hoạt động của các phòng ban bộ phận và đơn giá tiền lương, hệ số cấp bậc của từng người lao động để tính thu nhập cho từng người.
  - Tính tổng tiền lương, các khoản thu nhập khác của cán bộ công nhân viên và phân bổ cho các đối tượng sử dụng.
  - Tính và trích các khoản nộp theo lương ( BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN)
  - Lập bảng thanh toán tiền lương cho từng bộ phận, phòng ban.. của công ty.
- Kế toán vốn bằng tiền, Thủ quỹ:
  - Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu chi tiền mặt
  - Quản lý, bảo quản tiền mặt
  - Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định
  - Bảo quản lưu trữ chứng từ gốc, cung cấp số liệu cho kế toán ghi sổ.
- Kế toán hàng tồn kho:
  - Quản lý kiểm kê tình hình nhập xuất tồn của hàng hoá trong kho
  - Lập các phiếu nhập kho, xuất kho
- Kế toán thanh toán, công nợ:
  - Quản lý tình hình thanh toán và công nợ của công ty.

Kế toán là một bộ phận cấu thành của hệ thống công cụ quản lí kinh tế tài chính của công ty. Có vai trò tích cực trong việc quản lí, điều hành kiểm soát các hoạt động kinh tế với tư cách là công cụ quản lí kế toán tài chính. Kế toán gắn liền với hoạt động tài chính. Kế toán cung cấp các thông tin về kinh tế hiện thực có giá trị pháp lý và có độ tin cậy cao giúp cho công ty trên cơ sở đó đưa ra

quyết định phù hợp. Vì vậy kế toán của công ty có vị trí, vai trò rất quan trọng trong hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh của công ty.

### **2.1.5. Đặc điểm hình thức kế toán của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

#### **2.1.5.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ tài chính.

Hiện nay, công ty áp dụng phương pháp ghi nhận hàng tồn kho theo thực tế đích danh, phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ bình quân cuối kỳ, phương pháp hạch toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên.

Về TSCĐ, công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng

Chi phí sửa chữa lớn: theo kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm

Chi phí bảo hành sản phẩm: được ghi nhận sau ngày giao sản phẩm có bảo hành và chỉ được xác định chắc chắn khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thoả mãn.

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả: cuối niên độ kế toán, các khoản phải trả phải lập thêm nếu số chênh lệch lớn hơn giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước hay bị hoàn nhập nếu số chênh lệch nhỏ hơn. Việc lập dự phòng phải trả theo quy định của chuẩn mực kế toán và cơ chế quản lý tài chính.

Nguyên tắc chênh lệch theo tỷ giá thời điểm tại ngân hàng giao dịch.

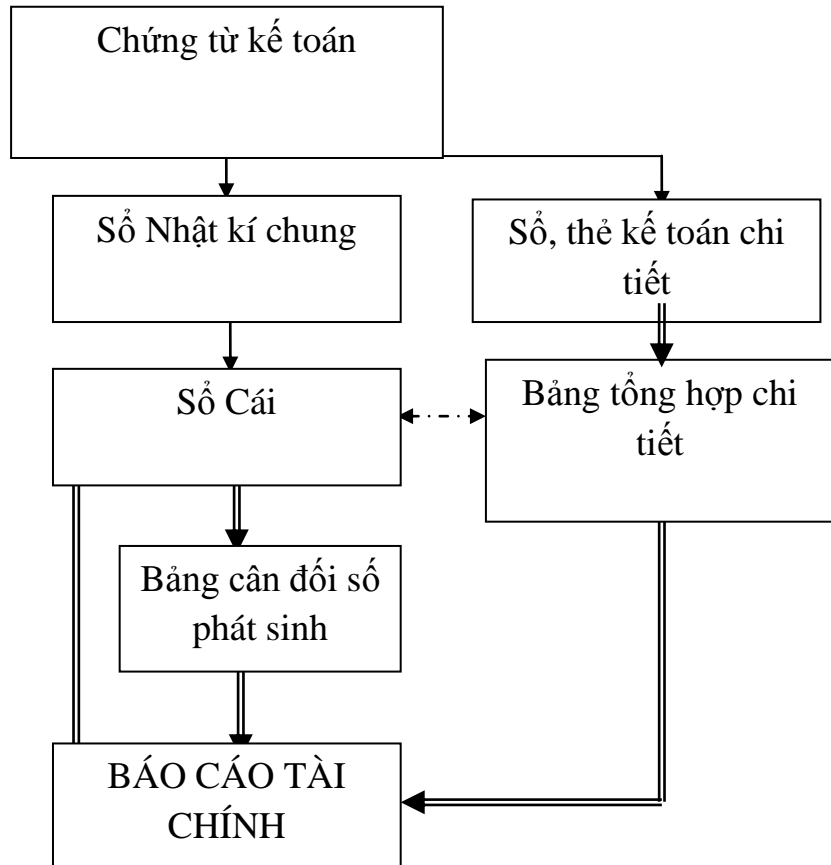
#### **2.1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán**

Công ty chỉ áp dụng duy nhất hình thức ghi sổ : **nhật kí chung**. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật kí chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật kí mà trọng tâm là nhật kí chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật kí để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán nhật kí chung bao gồm các loại chủ yếu sau:

- Sổ nhật kí chung, sổ nhật kí đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật kí chung tại Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật kí chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật kí chung cùng kì

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

### **2.2.1. Đặc điểm công tác kế toán doanh thu tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm**

##### **❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu áp dụng tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

Doanh thu của công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải chủ yếu là từ việc cung cấp và buôn bán xăng dầu cho các công ty khách hàng.

TK 138: Lệ phí xăng dầu (LPXD) đây là khoản phí mà doanh nghiệp thu hộ và nộp hộ cho bên bán vào ngân sách nhà nước. Theo quy định của nhà nước thì LPXD của xăng: 1000 đồng/lít, dầu: 300 đồng/lít, nhớt: 268 đồng/lít.

##### **❖ Các phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại công ty**

Thanh toán bằng chuyển khoản là việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản bên bán mở tại ngân hàng theo các hình thức thanh toán phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của ngân hàng. Chứng từ thanh toán tiền là giấy báo có của ngân hàng bên bán về số tiền đã nhận được từ tài khoản ngân hàng bên mua.

Thanh toán bằng tiền mặt là việc bên mua xuất quỹ thanh toán tiền hàng cho bên bán bằng tiền mặt, phương thức thanh toán này thường áp dụng trong trường hợp số tiền phải thanh toán ít, không thường xuyên, hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán bằng phương thức này.

❖ **Phương thức hạch toán doanh thu bán hàng**

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế hoặc yêu cầu của khách hàng về việc mua hàng hóa của công ty, công ty sẽ xuất kho hàng hóa và chuyển giao cho khách hàng, khi đó số hàng này được xác định là đã tiêu thụ và được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Hàng ngày khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng kế toán sẽ căn cứ vào các chứng từ liên quan (phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu, giấy báo có...) để tiến hành ghi vào Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 511, 131 để cuối tháng, cuối kỳ tổng hợp vào sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua, sổ tổng hợp doanh thu bán hàng. Số liệu trong sổ Nhật ký chung được đưa vào sổ cái các tài khoản tương ứng. Cuối kỳ, đối chiếu, kiểm tra giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua hoặc bảng tổng hợp doanh thu bán hàng để làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

**2.2.1.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

**a. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu;
- Ủy nhiệm thu;
- Giấy báo có;
- Các chứng từ liên quan khác....

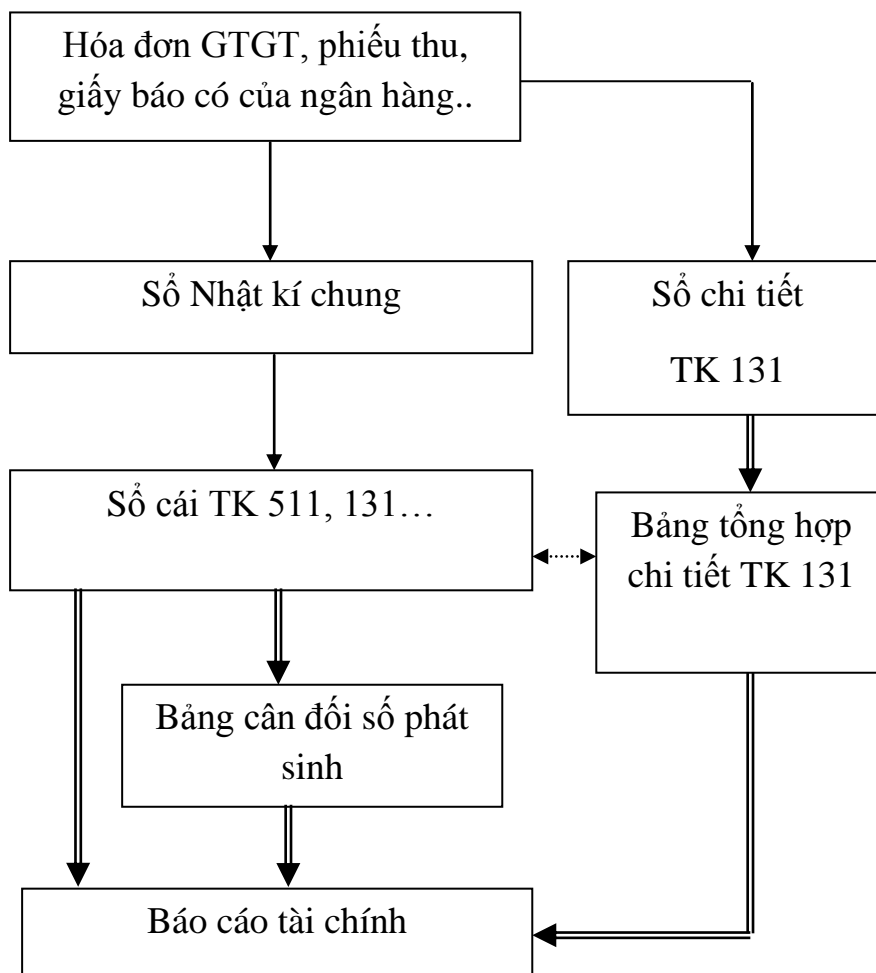
**b. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

**c. Quy trình hạch toán kế toán doanh thu**

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty cổ phần vận tải biển**

**Hồng Hải**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kì
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**d. Ví dụ:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011 doanh nghiệp bán hàng cho công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Phateco 16640 lít dầu Veritas 800 Marine SAE 30, với số tiền là: 1.054.854.982 ( thuế suất GTGT 10% , phí xăng dầu 4.459.520) thanh toán bằng chuyển khoản.



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số : 01GTKT3/001

Liên 3 : Nội bộ

Ký hiệu : AA/11P

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 0000088

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HỒNG HẢI

Mã số thuế : 0200786567

Địa chỉ: Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P.Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Điện thoại : 031.3720866

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị: Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Phateco

Mã số thuế:

0	2	0	0	6	8	6	2	8	0				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Hình thức thanh toán:.....Số tài khoản:.....

ST T	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐV T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	6=4x5	
1	Veritas 800 Marine	lít	16.640	63.392,7272	1.054.854.982
	Phí xăng dầu	lít	16.640	268	4.459.520
Cộng tiền hàng:					1.054.854.982
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT:105.485.498
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.164.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ một trăm sáu mươi triệu tám trăm nghìn đồng					

	Người bán	
Người mua hàng	hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Kí, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải  
Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**  
Năm 2011

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
3/12/2011	HĐ0000 087	3/12/2011	Bán 50.000kg dầu FO cho công ty TNHH Việt Đức, thanh toán bằng chuyển khoản	112 511 333(1) 138	840.000.000	750.000.000 75.000.000 15.000.000
			.....			
31/12/2011	HĐ0000 088	31/12/2011	<b>Bán 16640lít dầu Veritas cho công ty PhateCo, thanh toán bằng TGNH</b>	<b>112 511 333(1) 138</b>	<b>1.164.800.000</b>	<b>1.054.854.982 105.485.498 4.459.520</b>
31/12/2011	PXK 31/12	31/12/2011	<b>Kế toán ghi nhận giá vốn</b>	<b>632 156</b>	<b>1.017.702.400</b>	<b>1.017.702.400</b>
			..... Cộng phát sinh		<b>596.097.613.883</b>	<b>596.097.613.883</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

SHTK: 511

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		-	-
		Phát sinh trong năm			
		.....			
HĐ00000 87	3/12/2011	Bán 50.000kg dầu FO cho công ty TNHH Việt Đức, thanh toán bằng chuyển khoản	112		750.000.000
<b>HĐ00000 88</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Bán 16640lít dầu Veritas cho công ty PhateCo, thanh toán bằng TGNH</b>	<b>112</b>		<b>1.054.854.982</b>
PKT12	31/12/2011	Kế toán xác định kết quả kinh doanh cuối năm 1.Kết chuyển doanh thu	911	59.257.648.893	
		Cộng phát sinh		<b>59.257.648.893</b>	<b>59.257.648.893</b>
		Số dư cuối năm		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

### 2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Do đặc điểm là một đơn vị kinh doanh trong ngành thương mại, không tiến hành hoạt động sản xuất sản phẩm nên trong phần hành này em tập hợp chi phí thu mua và tính giá vốn hàng bán. Tại công ty tiến hành tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Theo phương thức này

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{vốn hàng} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua thực tế của} \\ \text{hàng tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị mua thực tế của hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} \\ + \end{array} \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Công ty tiến hành kiểm kê hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**a. Chứng từ sử dụng:**

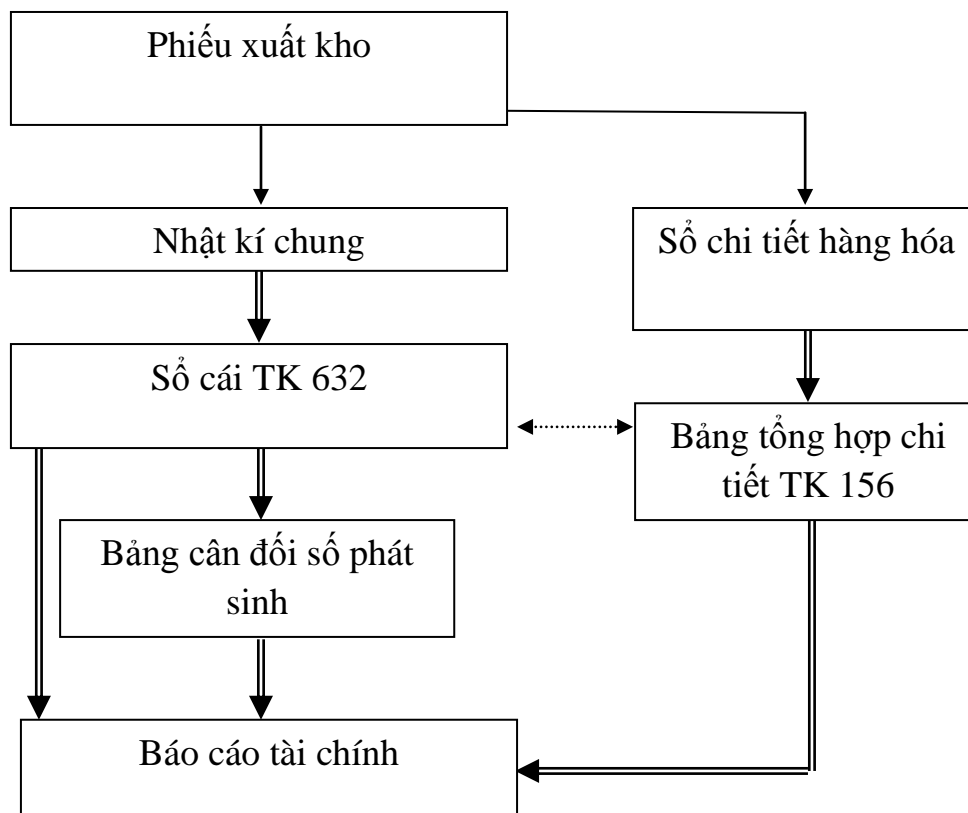
- Phiếu xuất kho..

**b. Tài khoản sử dụng:**

- TK 632 “ Giá vốn hàng bán”
- TK 156 “ Hàng hóa”

**c. Sơ đồ luân chuyển chứng từ giá vốn hàng bán:**

**Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

#### **d. Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán:**

Hàng ngày tại doanh nghiệp phát sinh các nghiệp vụ mua hàng hóa về nhập kho và bán hàng hóa. Kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn bán hàng để vào sổ chi tiết hàng hóa, bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa. Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa để làm căn cứ tính trị giá vốn hàng bán cho từng loại hàng hóa.

## Khóa luận tốt nghiệp

---

Ví dụ: Trong tháng 12 năm 2011 doanh nghiệp mua 15.000 lít dầu Veritas 800 marine SAE 30 với giá 61.202 đồng/lít. Tồn kho đầu kỳ là 10.525 lít với giá là 61.100 đồng/lít

Ngày 31/12/2011 Theo phương pháp bình quân gia quyền kế toán tính giá vốn dầu Veritas là:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{vốn hàng} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua thực tế của} \\ \text{hàng tồn kho đầu kỳ} \\ \text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị mua thực tế của hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \\ \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} \\ \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ} \end{array}}$$

Ta có:

$$\begin{aligned} &= \frac{15.000 \cdot 61.202 + 10.525 \cdot 61.100}{15.000 + 10.525} \\ &= \frac{1.561.107.500}{25.525} \end{aligned}$$

Đơn giá dầu Veritas = 61.160 đồng/ lít

### **Ví dụ:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011 doanh nghiệp bán hàng cho công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Phateco 16640 lít dầu Veritas 800 Marine SAE 30, với số tiền là: 1.054.854.982 ( thuế suất GTGT 10% , phí xăng dầu 4.459.520) thanh toán bằng chuyển khoản.

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

### **Bảng tính trị giá vốn hàng xuất kho**

Tháng 12 năm 2011

STT	Tên hàng	Số lượng (lít)	Đơn giá(đ)	Thành tiền(đ)
1	Dầu DO	36.626	17.503,997	641.101.394
2	Dầu Diezel	34.425	12.706	437.426.430
3	Dầu nhớt HD 40	160,83	24.302	3.908.490
4	Dầu Veritas 800 marine SAE 30	25.525	61.160	1.561.109.000
...	.....	.....	.....	.....
	<b>Tổng cộng</b>			<b>2.086.519.900</b>

Đơn vị: Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Nợ TK 632: 1.017.702.400

Số: 31/12

Có TK 156: 1.017.702.400

Họ tên người nhận hàng: công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật PhateCo

Lý do xuất kho: bán hàng

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Veritas 800 Marine SAE 30		lít	16.640	61.160	1.017.702.400
	Cộng			16.640	61.160	1.017.702.400

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một tỷ không trăm mười bảy triệu bảy trăm linh hai nghìn bốn trăm đồng chẵn./

-Số chứng từ gốc kèm theo: Hoá đơn GTGT số0000088

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu    Người nhận hàng    Thủ kho    Kế toán trưởng    Giám đốc  
(kí, họ tên)                    (kí, họ tên)                    (kí, họ tên)                    (kí, họ tên)                    (kí, họ tên)



Khóa luận tốt nghiệp

---

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm 2011

Từ ngày 1/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
3/12/2011	HĐ0000084	3/12/2011	Bán 50.000kg dầu FO cho công ty TNHH Việt Đức, thanh toán bằng chuyển khoản	112 511 333(1) 138	840.000.000	750.000.000 75.000.000 15.000.000
			.....			
31/12/2011	HĐ0000088	31/12/2011	Bán 16640lít dầu Veritas cho công ty PhateCo, thanh toán bằng TGNH	112 511 333(1) 138	1.164.800.000	1.054.854.982 105.485.498 4.459.520
<b>31/12/2011</b>	<b>PXK 31/12</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Kế toán ghi nhận giá vốn</b>	<b>632 156</b>	<b>1.017.702.400</b>	<b>1.017.702.400</b>
			..... Cộng phát sinh		<b>596.097.613.883</b>	<b>596.097.613.883</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

## Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

### SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

SHTK: 632

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		-	-
		Phát sinh trong năm			
		.....			
<b>PXK 31/12</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Kế toán ghi nhận giá vốn</b>	<b>156</b>	<b>1.017.702.400</b>	
PKT12	31/12/2011	Kế toán xác định kết quả kinh doanh cuối năm 2.Kết chuyển các loại chi phí	911		57.337.767.444
		Cộng phát sinh		<b>57.337.767.444</b>	<b>57.337.767.444</b>
		Số dư cuối năm		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

### **2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

Chi phí quản lý kinh doanh là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý kinh doanh gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ
- Chi phí văn phòng phẩm
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí thuế, phí và lệ phí...

❖ **Chứng từ sử dụng:**

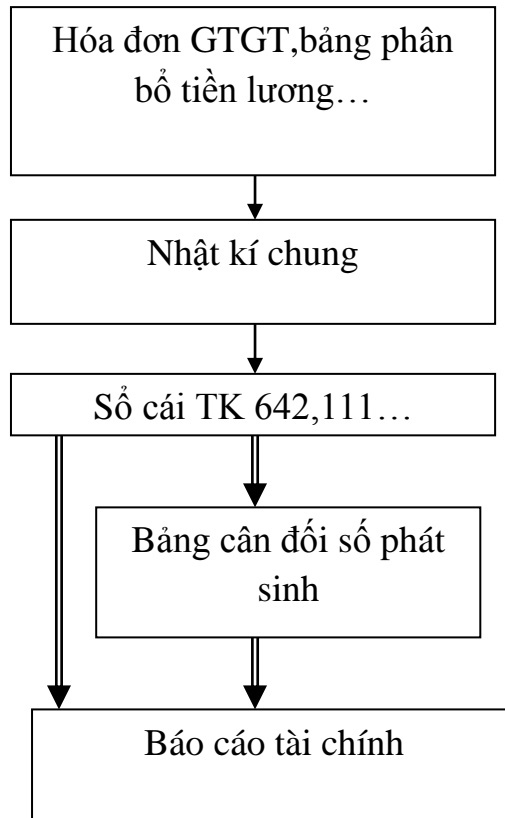
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng;
- Bảng lương và phân bổ tiền lương;
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn thu phí dịch vụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Kế toán sử dụng TK 642
- Và các TK liên quan như: TK 111, 112, 131.....

❖ **Sơ đồ luân chuyển chứng từ**

**Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tháng
- .....<-----> Quan hệ đối chiếu

**a. Chi phí nhân viên quản lý**

Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp là các khoản tiền lương phải trả cho cán bộ quản lý. Doanh nghiệp tiến hành trả lương cho người lao động theo lương thời gian.

Hình thức trả lương theo thời gian được tính trả lương cho người lao động theo thời gian làm việc, theo trình độ chuyên môn của từng người lao động. Hay nói cách khác là người lao động gián tiếp.

Các khoản trích theo lương tại công ty bao gồm: BHXH, BHYT. Công ty không trích kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp. BHXH và BHYT kế toán trích 7.5% người lao động chịu, còn lại 19% doanh nghiệp chịu.

Theo thực tế tìm hiểu tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải từ năm 2009 theo quyết định của chính phủ về nộp thuế TNCN ngoài việc trích các khoản trích theo lương kế toán còn giảm trừ luôn thuế TNCN của công nhân để thuận tiện hơn cho việc nộp thuế TNCN của công nhân

**Ví dụ:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011 công ty thanh toán tiền lương cho bộ phận quản lý kinh doanh tháng 12

## Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Mẫu số: 11-LDTL

Địa chỉ: Số 49 lô 22 Lê hồng Phong, P. Đông Khê (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)  
Q.Ngô quyền, TP.Hải Phòng

### **BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG**

Tháng 12 năm 2011

STT		TK 334- Phải trả công nhân viên			TK 338- Các khoản trích theo lương		
		Lương	Các khoản khác	Cộng có TK 334	BHXH (22%)	BHYT (7.5%)	Cộng có TK 338
1	TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh	50.661.600	24.440.920	71.102.520	8.105.856	1.519.848	9.625.704
	Chi phí thuyền viên	27.988.000	10.720.920	38.708.920	4.478.080	839.640	5.317.720
	Chi phí nhân viên quản lý	22.673.600	9.720.000	32.393.600	3.627.776	680.208	4.307.984
2	TK 334- Phải trả công nhân viên				3.039.696	759.924	3.799.620
	Tổng cộng	50.61.600	24.440.920	71.102.520	11.145.552	2.279.772	13.425.324

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập bảng

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

**b. Hạch toán chi phí dịch vụ mua ngoài**

Về các chi phí dịch vụ mua ngoài được hạch toán vào chi phí qu ản lý kinh doanh bao gồm: tiền điện thoại, tiền điện, tiền nước, chi phí văn phòng công cụ dụng cụ, chi phí đi công tác, chi tiếp khách, chi phí xăng dầu, thuế môn bài, phí và lệ phí...

**Ví dụ:**

Ngày 04/12/2011 công ty phát sinh nghiệp vụ thanh toán tiền điện thoại tháng 11, số tiền là: 1.884.546 đồng

Căn cứ vào HĐ GTGT tiền điện thoại tháng 11 số 0432124 kế toán lập phiếu chi số 04/12.

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số : 01GTKT2/001

BILL ( VAT )

Ký hiệu : GB/11P

Liên 2 : Giao khách hàng

Số : 0432124

Đơn vị bán hàng: Công ty thông tin di động trung tâm thông tin di động khu vực V

Mã số thuế : 01100686209084

Địa chỉ: Số 8 lô 28A Lê Hồng Phong, P.Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Điện thoại : 18001090

Họ tên khách hàng: Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số thuê bao: 4 thuê bao

Cước từ ngày : 2/10/2011 đến ngày 20/11/2011

ST T	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	6=4x5	
1	Cước dịch vụ viễn thông				1.713.224
Cộng tiền:					1.713.224
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT:171.322
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.884.546
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm tám mươi tư nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng					

Người nộp tiền  
(Kí, họ tên)

Nhân viên giao dịch  
(Ký, họ tên)



Khóa luận tốt nghiệp

---

Đơn vị: Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ: số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, p.Đông Khê, ( Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
q.Ngô Quyền, tp.Hải Phòng ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Quyển số:

Ngày 04 tháng 12 năm 2011

**Số: 04/12**

Nợ TK 642: 1.713.224

Nợ TK 133: 171.322

Có TK 111: 1.884.546

Họ tên người nhận tiền: Cao Thị Hà

Địa chỉ: Phòng tài chính - kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11

Số tiền: 1.884.546

Số tiền bằng chữ: Một triệu tám trăm tám mươi tư nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc HĐ GTGT số 0432124

Ngày 04 tháng 12 năm 2011

Người lập	Thủ trưởng đv	kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người nhận
(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)

**Khóa luận tốt nghiệp**

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 Lô 22 đường Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm: 2011

Từ ngày 1/12/2011

Đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
03/12/2011	PC03/12	03/12/2011	Thanh toán tiền chuyển chứng từ	642 111	15.000	15.000
<b>04/12/2011</b>	<b>PC04/12</b>	<b>04/12/2011</b>	<b>Thanh toán tiền điện thoại tháng 11</b>	<b>642 133 111</b>	<b>1.713.224 171.322</b>	<b>1.884.546</b>
			.....			
16/12/2011	PT16/12	16/12/2011	Rút TGNH về nhập quỹ	111 112	15.000.000	15.000.000
			.....			
31/12/2011	<b>BTTL12/2011</b>	31/12/2011	<b>Thanh toán lương cho nhân viên văn phòng</b>	<b>642 334</b>	<b>71.102.520</b>	<b>71.102.520</b>
31/12/2011	<b>BPPTL12/2011</b>	31/12/2011	<b>Trích BHYT, BHXH...</b>	<b>642 338</b>	<b>9.625.704</b>	<b>9.625.704</b>
31/12/2011	<b>BPBKH12/2011</b>	31/12/2011	<b>Trích khấu hao TSCĐ bộ phận quản lý kinh doanh</b>	<b>642 214</b>	<b>3.986.250</b>	<b>3.986.250</b>
			.....			
			Cộng phát sinh		<b>596.097.613.883</b>	<b>596.097.613.883</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên)

Giám đốc  
(kí, họ tên)

**Khóa luận tốt nghiệp**

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

SHTK: 642

*Từ ngày 01/01/2011*

*Đến ngày 31/12/2011*

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		-	-
		Phát sinh trong năm			
		.....			
<b>PC04/12</b>	<b>04/12/2011</b>	<b>Thanh toán tiền điện thoại tháng 11</b>	<b>111</b>	<b>1.713.224</b>	
		.....			
<b>BTTL12/2011</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Thanh toán lương cho nhân viên văn phòng tháng 12</b>	<b>334</b>	<b>71.102.520</b>	
<b>BPPTL12/2011</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Trích BHYT, BHXH...tháng 12</b>	<b>338</b>	<b>9.625.704</b>	
<b>BPBKH12/2011</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Trích khấu hao TSCĐ bộ phận quản lý kinh doanh tháng 12</b>	<b>214</b>	<b>3.986.250</b>	
<b>PKT12</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh cuối năm</b>	<b>911</b>		<b>1.116.410.179</b>
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.116.410.179</b>	<b>1.116.410.179</b>
		<b>Số dư cuối năm</b>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

## **2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

### **2.2.4.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích doanh nghiệp thu được phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau:

- Tiền lãi từ cho vay ngắn hạn, dài hạn..
- Chênh lệch lãi tỉ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán, lãi từ bán các khoản tiền có gốc ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng do trả tiền trước thời hạn.

#### **a. Chứng từ sử dụng:**

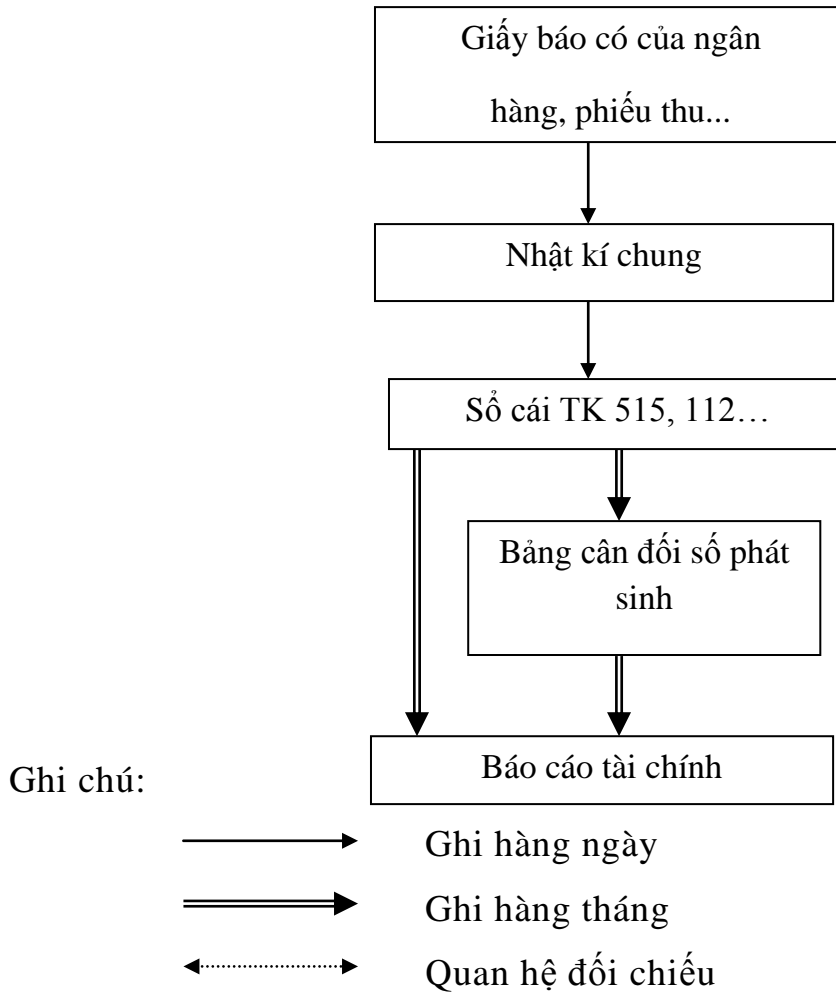
- Phiếu trả lãi tài khoản
- Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh
- Bảng tính lãi bán hàng trả chậm
- Phiếu thu, giấy báo có...

#### **b. Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái TK 515
- Sổ cái các TK 111, 112

**c. Sơ đồ luân chuyển chứng từ:**

**Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**



**Ví dụ:**

Ngày 27/12/2011 Công ty phát sinh nghiệp vụ thu lãi tiền gửi ngân hàng Maritimebank cho TK 017704060005633, số tiền lãi là 1.341 đồng

**GIẤY BÁO CÓ**

**GREDIT ADVICE**

**MARITIMEBANK**

**Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam**

Số( Seq.No./RefNo): 2803373

**Chi nhánh (Branch name) :** Hải Phòng

Ngày 27/12/2011

**Mã số thuế (Tax code):**

Giờ (time):09:16:04 AM

**Tên khách hàng:**

(Client Name)

(Loan No)

**Mã khách hàng:**

(Client No)

**Số kế wớc:**

(Drawdown No)

**Mã số thuế:**

**Tài khoản ghi Có: 017704060005633 Cty CP vận tải biển Hồng Hải**

(Credit Account)

**Số tiền: 1.341 VND**

Tran Seq No:93660793

**Bằng chữ: Một nghìn ba trăm bốn mươi một đồng**

(Amount in words):

**Nội dung/(Narrative): Lãi tiền gửi tháng 12 Kế toán:001**

Số tiền 1.341VND

**GIAO DỊCH VIÊN/NV/NGHIỆP VỤ**

User ID

CLINP5532

**KIỂM SOÁT**

Supervisor

KSV 231073

## Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 Lô 22 đường Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

### SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2011

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
03/12/2011	PC03/12	03/12/2011	Thanh toán tiền chuyển chứng từ	642 111	15.000	15.000
04/12/2011	PC04/12	04/12/2011	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	642 133 111	1.713.224 171.322	1.884.546
			.....			
16/12/2011	PT16/12	16/12/2011	Rút TGNH về nhập quỹ	111 112	15.000.000	15.000.000
			.....			
27/12/2011	GBC280 3373	27/12/2011	Lãi tiền gửi ngân hàng Maritimebank tháng 12	112 515	1.341	1.341
			.....			
			Cộng phát sinh		596.097.613.883	596.097.613.883

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

## Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

### SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

SHTK: 515

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		-	-
		Phát sinh trong năm			
		.....			
<b>GBC280337 3</b>	<b>27/12/2011</b>	<b>Lãi tiền gửi ngân hàng Maritimebank tháng 12</b>	<b>112</b>		<b>1.341</b>
PKT12	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính cuối năm	911	6.850.663	
....	...	.....	....	.....	.....
		Cộng phát sinh		<b>6.850.663</b>	<b>6.850.663</b>
		Số dư cuối năm		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )



### 2.2.4.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

#### a) Chứng từ sử dụng:

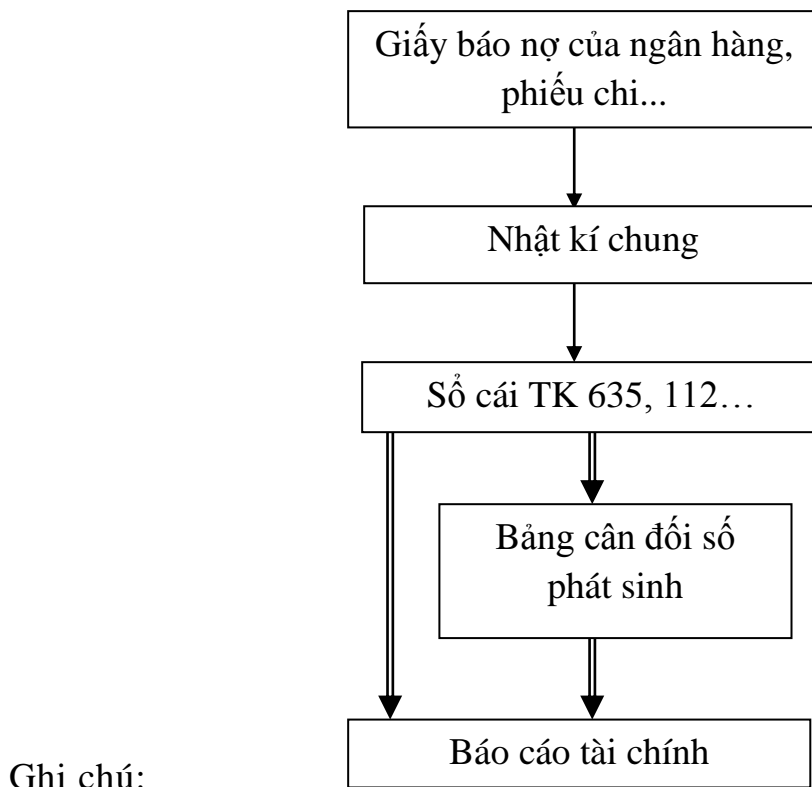
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu chi
- Hợp đồng vay vốn...

#### b) Tài khoản sử dụng:

- TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính”

#### a) Sơ đồ luân chuyển chứng từ:

*Sơ đồ 2.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi hàng tháng
- ←.....> Quan hệ đối chiếu

#### Ví dụ:

Ngày 29/12/2011 công ty phát sinh nghiệp vụ phải trả lãi vay vốn kinh doanh tháng 12 số tiền là: 22.202.334đồng

**GIẤY BÁO NỢ**

*GREDIT ADVICE*

**MARITIMEBANK**

**Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam**Số(

*Seq.No./RefNo*):0160300

**Chi nhánh (Branch name) : Hải Phòng**

*Ngày* 29/12/2011

**Mã số thuế (Tax code):**

*Giờ (time):*10:16:04 PM

**Tên khách hàng: Công ty CP vận tải biển Hồng Hải**

*(Client Name)*

**Mã khách hàng00132504**

*(Client No)*

**Số TK/Tên TK:01770460005633**

*(RB A/C No.A/C Name): Công ty CP vận tải biển Hồng Hải*

**Nội dung:** Trả tiền lãi vay vốn kinh doanh

**Số tiền:** 22.202.334 Tran Seq No:3225668

**Bằng chữ:** Hai mươi hai triệu hai trăm linh hai nghìn ba trăm ba mươi tư đồng

**Số dư (Ledger Balance & ccy):** 61.397.121 VND

**GIAO DỊCH VIÊN/NV/NGHIỆP VỤ**

*User ID*

CLINP5532

**KIỂM SOÁT**

*Supervisor*

KSV 231073

## Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 Lô 22 đường Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

### SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2011

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
03/12/2011	PC03/12	03/12/2011	Thanh toán tiền chuyển chứng từ	642 111	15.000	15.000
04/12/2011	PC04/12	04/12/2011	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	642 133 111	1.713.224 171.322	1.884.546
			.....			
16/12/2011	PT16/12	16/12/2011	Rút TGNH về nhập quỹ	111 112	15.000.000	15.000.000
			.....			
27/12/2011	GBC280 3373	27/12/2011	Lãi tiền gửi ngân hàng Maritimebank tháng 12	112 515	1.341	1.341
			.....			
29/12/2011	<b>GBN016 0300</b>	29/12/2011	<b>Đã trả lãi vay vốn kinh doanh tháng 12</b>	<b>635 112</b>	<b>22.202.334</b>	<b>22.202.334</b>
			.....			
			Cộng phát sinh		<b>596.097.613.883</b>	<b>596.097.613.883</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

SHTK: 635

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		-	-
		Phát sinh trong năm			
		.....			
<b>GBN0160300</b>	<b>29/12/2011</b>	<b>Đã trả lãi vay vốn kinh doanh tháng 12</b>	<b>112</b>	<b>22.202.334</b>	
PKT12	31/12/2011	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính cuối năm	911		1.016.707.343
		Cộng phát sinh		<b>1.016.707.343</b>	<b>1.016.707.343</b>
		Số dư cuối năm		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

### **2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

Thu nhập khác là giá trị các loại hình kinh tế doanh nghiệp thu được phát sinh từ hoạt động khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

Thu nhập khác bao gồm một số nội dung sau:

- Thu từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định
- Thu từ các khoản nợ không có người đòi
- Thu từ nợ khó đòi đã xử lý nay đã đòi được
- Thu được từ phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

#### **a. Chứng từ sử dụng:**

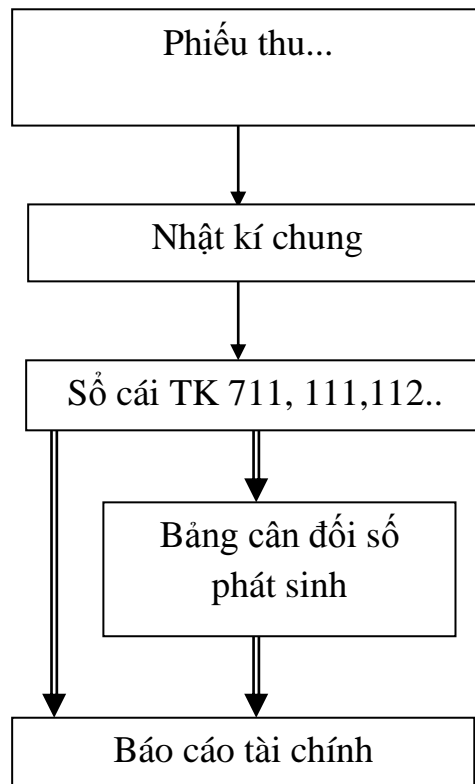
- Phiếu thu

#### **b. Tài khoản sử dụng:**

- TK 711 – Thu nhập khác

#### **c. Sơ đồ luân chuyển chứng từ:**

**Sơ đồ 2.9: Trình tự ghi sổ kế toán thu nhập khác tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tháng
- ←.....> Quan hệ đối chiếu

**Ví dụ:**

Ngày 20 tháng 12 năm 2011, doanh nghiệp thu được khoản nợ khó đòi của công ty TNHH Hải Vân bằng tiền mặt số tiền là 20.500.000 đồng

## Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Mẫu số: 01

Địa chỉ: Số 49 Lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Trưởng BTC)

### PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số: 20/12	
Nợ TK 111	20.500.000
Có TK 711	20.500.000

Họ tên người nộp tiền

: Cao Thị Hà

Địa chỉ

: BP.Kế toán

Lý do nộp

: Thu được nợ khó đòi của công ty TNHH Hải Vân

Số tiền

: 20.500.000

Bằng chữ

: Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng chẵn /.

Kèm theo

:

Đã nhận đủ số tiền

:

.....  
Người lập biểu

Người nộp tiền

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

## Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 Lô 22 đường Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

### SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2011

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
03/12/2011	PC03/12	03/12/2011	Thanh toán tiền chuyển chứng từ	642 111	15.000	15.000
04/12/2011	PC04/12	04/12/2011	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	642 133 111	1.713.224 171.322	1.884.546
			.....			
<b>20/12/2011</b>	<b>PT20/12</b>	<b>20/12/2011</b>	<b>Thu được nợ khó đòi của công ty TNHH Hải Vân</b>	<b>111 711</b>	<b>20.500.000</b>	<b>20.500.000</b>
			.....			
27/12/2011	GBC280 3373	27/12/2011	Lãi tiền gửi ngân hàng Maritimebank tháng 12	112 515	1.341	1.341
			.....			
29/12/2011	GBN016 0300	29/12/2011	Đã trả lãi vay vốn kinh doanh tháng 12	635 112	22.202.334	22.202.334
			.....			
			Cộng phát sinh		<b>596.097.613.883</b>	<b>596.097.613.883</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải



## Khóa luận tốt nghiệp

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

### SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Thu nhập khác

SHTK: 711

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		-	-
		.....			
<b>PT20/12</b>	<b>20/12/2011</b>	<b>Thu được nợ khó đòi của công ty TNHH Hải Vân</b>	<b>111</b>		<b>20.500.000</b>
		.....			
PKT12	31/12/2011	Kết chuyển thu nhập khác cuối năm	911	382.931.776	
		Cộng phát sinh		<b>382.931.776</b>	<b>382.931.776</b>
		Số dư cuối năm		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
(kí, họ tên)

Giám đốc  
(kí, họ tên)

**2.2.6. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải:**

**a.Chứng từ sử dụng:**

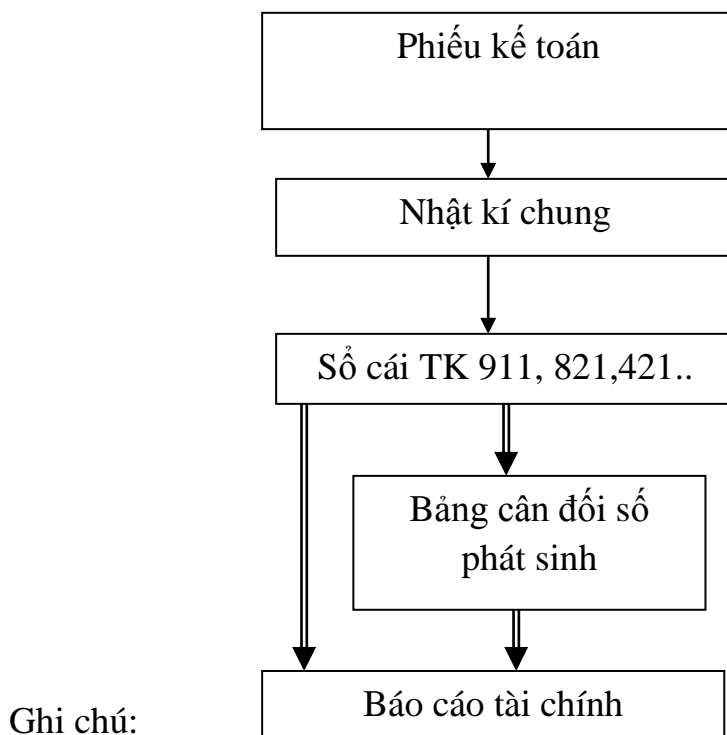
- Phiếu kế toán

**b.Tài khoản sử dụng :**

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....

**d.Quy trình hạch toán:**

*Sơ đồ 2.10: Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải*



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tháng
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu

**c.Ví dụ:**Ngày 31/12/2011 Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cuối năm, lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	59.257.648.893
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	6.850.663
3	Thu nhập khác	711	911	382.931.776
	<b>Tổng</b>			<b>59.647.431.332</b>

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	57.337.767.444
2	Chi phí tài chính	911	635	1.016.707.343
3	Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.116.410.179
4	Chi phí thuế TNDN	911	821	44.136.592
5	Lợi nhuận sau thuế	911	421	132.409.774
	<b>Tổng</b>			<b>59.647.431.332</b>

**Khóa luận tốt nghiệp**

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 Lô 22 đường Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm: 2011

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
27/12/2011	GB C28 0337 3	27/12/2011	Lãi tiền gửi ngân hàng Maritimebank tháng 12	112 515	1.341	1.341
			.....			
31/12/2011	PK T12	31/12/2011	<b>Kế toán xác định kết quả kinh doanh cuối năm</b> <b>1.Kết chuyển doanh thu</b> 511 515 711 911  <b>2.Kết chuyển chi phí</b> 911  632 635 642  <b>3.Thuế TNDN phải nộp</b> 821 3334  <b>4.Kết chuyển thuế TNDN</b> 911 821  <b>5.Lợi nhuận sau thuế</b> 911 421  Cộng phát sinh	511 515 711 911  911  632 635 642  821 3334  911 821  911 421  596.097.613.8 83	59.257.648.89 3  6.850.663 382.931.776  57.337.767.44 4 1.016.707.343 1.116.410.179  44.136.592  44.136.592  44.136.592  132.409.774  596.097.613.8 83	59.647.431.332  59.470.884.966  44.136.592  44.136.592  132.409.774  596.097.613.88 3

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải  
Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

## SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

SHTK: 911

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		-	-
		Phát sinh trong năm			
		.....			
<b>PKT12</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Kế toán xác định kết quả kinh doanh cuối năm</b>			
		<b>1.Kết chuyển doanh thu</b>	<b>511</b>		<b>59.257.648.893</b>
			<b>515</b>		<b>6.850.663</b>
			<b>711</b>		<b>382.931.776</b>
		<b>2.Kết chuyển chi phí</b>	<b>632</b>	<b>57.337.767.444</b>	
			<b>635</b>	<b>1.016.707.343</b>	
			<b>642</b>	<b>1.116.410.179</b>	
		<b>3.Kết chuyển chi phí thuế TNDN</b>	<b>821</b>	<b>44.136.592</b>	
		<b>4.Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>421</b>	<b>132.409.774</b>	
		Cộng phát sinh		<b>59.647.431.332</b>	<b>59.647.431.332</b>
		Số dư cuối năm		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên)

Giám đốc  
(kí, họ tên)

## Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

### SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

SHTK: 821

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		-	-
		Phát sinh trong năm			
		.....			
<b>PKT12</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Kế toán xác định kết quả kinh doanh cuối năm 3. Kết chuyển chi phí thuế TNDN</b>	<b>333(4) 911</b>	<b>44.136.592</b>	<b>44.136.592</b>
		Cộng phát sinh		<b>44.136.592</b>	<b>44.136.592</b>
		Số dư cuối năm		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

## Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

### SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

SHTK: 421

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
		Số dư đầu năm			<b>66.886.770</b>	
		Phát sinh trong năm				
		.....				
<b>PKT12</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Kế toán xác định kết quả kinh doanh cuối năm 4.Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>911</b>		<b>132.409.774</b>	
		Cộng phát sinh			132.409.774	
		Số dư cuối năm			<b>199.296.544</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên)

Giám đốc  
( kí, họ tên)

## Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán căn cứ vào Nhật ký chung, Sổ Cái các TK 511,911,642,635...lập  
Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính năm 2011

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

### **BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Năm 2011

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.257.648.893	23.966.594.561
2	Các khoản giảm trừ		
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.257.648.893	23.966.594.561
4	Giá vốn hàng bán	57.337.767.444	23.257.063.983
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.919.881.449	709.530.578
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.850.663	2.433.851
7	Chi phí tài chính	1.016.707.343	206.089.835
	Trong đó : Chi phí lãi vay	972.681.727	132.413.495
8	Chi phí quản lý kinh doanh	1.116.410.179	483.737.239
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(206.385.410)	22.137.355
10	Thu nhập khác	382.931.776	67.045.005
11	Chi phí khác		
12	Lợi nhuận khác	382.931.776	67.045.005
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	176.546.366	89.182.360
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	44.136.592	22.295.590
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	132.409.774	66.886.770



## **Chương 3 : Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

### **3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải**

#### **3.1.1. Ưu điểm**

##### **❖ Về sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:**

Là một doanh nghiệp trẻ nhưng doanh nghiệp đã tạo cho mình một chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Doanh nghiệp đã tự tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng các mặt hàng kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng cũng như chất lượng hàng hóa, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay doanh nghiệp đã cố gắng rất nhiều, nỗ lực trên tất cả mọi mặt: xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao. Nhờ đó mà doanh thu hàng năm của doanh nghiệp không ngừng nâng cao.

Doanh thu của doanh nghiệp tăng dần trong năm gần đây:

- Năm 2010: 66.886.770 đồng
- Năm 2011: 132.409.774 đồng

##### **❖ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại doanh nghiệp:**

Với bộ máy quản lý được tổ chức gọn nhẹ, phối hợp với nhau một cách hợp lý giúp tham mưu, hỗ trợ và điều hành công tác sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong đơn vị.

Việc phân công công việc một cách hợp lý giúp giảm nhẹ công việc cho Giám đốc, chuyên môn hóa chức năng quản lý của từng bộ phận.

##### **❖ Về tổ chức bộ máy kế toán tại doanh nghiệp:**

Doanh nghiệp đã tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với yêu cầu kinh doanh, ban kế toán của công ty được bố trí hợp lý, phân công công việc rõ ràng phù hợp

với năng lực và trình độ chuyên môn của từng nhân viên, phát huy thế mạnh của từng người. Điều đó đã nâng cao hiệu quả công việc. Kế toán trưởng là người có trình độ và kinh nghiệm lâu năm, có khả năng quản lý tốt ban kế toán góp phần tham mưu cho Giám đốc công ty các nghiệp vụ về kinh tế.

❖ **Về hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng:**

- Về hạch toán kế toán nói chung:

+ Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán: đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục.

+ Về hệ thống tài khoản sử dụng: kế toán tại doanh nghiệp đã lựa chọn và xây dựng hệ thống tài khoản cấp 1 theo quy định chung của Bộ tài chính. Bên cạnh đó còn sử dụng một số tài khoản cấp 2, 3 để đáp ứng nhu cầu theo dõi chi tiết. Nhìn chung việc sử dụng hệ thống tài khoản này là khá hợp lý đảm bảo việc thu thập thông tin bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, thông tin về tình hình tài chính biến động của tài sản, nguồn vốn của toàn đơn vị.

+ Về hệ thống sổ kế toán doanh nghiệp sử dụng: tương đối phù hợp với tiêu thức kế toán công ty áp dụng, hình thức kế toán nhật ký chung. Kết cấu sổ được thiết lập trên mẫu quy định, không phức tạp nhưng phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cung cấp thông tin chính xác kịp thời. Trên mỗi sổ trình tự nội dung ghi sổ được kế toán thực hiện theo đúng quy định. Hệ thống sổ sách trong doanh nghiệp được ghi chép, sử dụng nhằm cung cấp các Báo cáo tài chính cho cơ quan thuế và các báo cáo chi tiết cho ban lãnh đạo của công ty.

- + Trong công tác kế toán việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành một cách kịp thời và triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù với điều kiện, đặc điểm kinh doanh. Vì vậy nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản lý.
- Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh:
  - + Trải qua một quá trình đổi mới và phát triển, doanh nghiệp đã hoàn thành dần công tác hạch toán của mình. Tuy là một đơn vị kinh doanh nhỏ, song doanh nghiệp nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi về chế độ kế toán và áp dụng vào doanh nghiệp một cách phù hợp, đặc biệt là hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.
  - + Doanh nghiệp chỉ có hoạt động kinh doanh thương mại đơn thuần, các tài khoản và chứng từ sử dụng được cập nhật và phản ánh chính xác theo quy định của Bộ tài chính.
  - + Chứng từ gốc của công ty được Giám đốc và kế toán trưởng phê duyệt song chuyển cho kế toán viên cập nhật, sau đó kế toán trưởng kiểm tra lại việc hạch toán của kế toán viên một cách kỹ lưỡng nhằm kịp thời phát hiện ra các sai sót. Chứng từ gốc tại doanh nghiệp được bảo quản hợp lý, không xảy ra hiện tượng mất chứng từ gốc.
  - + Doanh nghiệp tiến hành lập quỹ dự phòng phải thu khó đòi phòng trường hợp khách hàng không có khả năng thanh toán, khi xảy ra trường hợp khách hàng bị phá sản thì doanh nghiệp vẫn có khoản dự phòng để bù đắp rủi ro.

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

❖ **Về việc áp dụng phần mềm kế toán trong hạch toán kế toán:**

Công ty đã đầu tư máy móc vào công việc kế toán. Song chỉ đơn thuần là ghi chép vào máy tính, sử dụng Excel trong tính toán nhưng công ty chưa thực sự máy tính hóa chưa áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán tại đơn vị.

❖ **Một số tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp:**

- Chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa: Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng luôn muốn tiêu dùng những hàng hóa có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm hơn thời gian ghi trên hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Về phương thức tiêu thụ hàng hóa: mặc dù là công ty vận tải biển nhưng doanh thu chủ yếu của công ty là từ việc cung cấp và buôn bán xăng dầu cho các công ty khách hàng. Trên thực tế có nhiều phương thức tiêu thụ hàng hóa giúp doanh nghiệp có thể đáp ứng nhu cầu và tạo sự hài lòng cho khách hàng khi mua hàng. Công ty không sử dụng phương thức bán hàng : trả góp, trả chậm.. điều này làm giảm đáng kể số lượng khách hàng đến với doanh nghiệp.

- Về việc thu hồi công nợ: Doanh nghiệp không đề ra hạn mức công nợ cho các đối tượng khách hàng, điều này dẫn đến việc có những khách hàng công nợ 400.000.000 đồng, thời gian nợ kéo dài 2 đến 3 tháng, thậm chí cả năm làm ảnh hưởng việc luân chuyển vốn để đầu tư mở rộng kinh doanh

- Về phương pháp tính giá vốn hàng bán: Hiện tại doanh nghiệp đang sử dụng phương pháp tính giá bình quân gia quyền cả kì để tính giá vốn hàng xuất kho. Phương pháp này đơn giản, dễ tính nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, phương pháp này hạn chế tính kịp thời của các thông tin giá vốn, không cung cấp được những thông tin cần thiết về trị giá vốn hàng xuất cho mỗi lần biến động hàng hóa vì thời điểm xác định trị giá vốn hàng xuất kho được tính vào cuối tháng.

### **3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải:**

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của đơn vị sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

#### **Ý kiến 1: Đối với việc áp dụng máy tính trong công tác kế toán**

Trong điều kiện hiện nay, khoa học kỹ thuật rất phát triển tin học được áp dụng một cách rộng rãi. Doanh nghiệp đã áp dụng tin học vào công tác kế toán nhưng chưa triệt để và rộng rãi, nhất là về việc áp dụng phần mềm kế toán vào việc hạch toán kế toán. Đề nghị công ty cấp kinh phí cho phòng kế toán mua phần mềm kế toán để sử dụng trong công tác hạch toán, điều đó sẽ tiết kiệm được lao động, báo cáo số liệu nhanh chóng, chính xác, báo cáo kế toán được trình bày một cách khoa học...

Theo em, công ty có thể lựa chọn phần mềm kế toán MISA Mimoso.NET 2012. Bởi vì:

- Phần mềm này áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, gọn nhẹ. Cập nhật chế độ kế toán mới theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần mềm còn cho phép nhập bảng kê hóa đơn, chứng

từ bán hàng hóa dịch vụ mua vào, bảng kê hàng hóa, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra vào chương trình Hỗ trợ kê khai của Tổng cục Thuế phiên bản 2.5.x.

- Chi phí mua bản quyền phần mềm không cao: 6.000.000 đồng
- Phần mềm đòi hỏi cấu hình máy không cao, phù hợp với hệ thống máy tính hiện có tại Phòng hành chính-kế toán của công ty.
- Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn được công ty dạy miễn phí cho nhân viên kế toán tham gia lớp học kế toán máy để sử dụng và áp dụng phần mềm vào đơn vị một cách thuận thực.

### Giao diện phần mềm kế toán MISA Mimosa.NET 2012



## **Ý kiến 2: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa**

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể: giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng.
- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với doanh nghiệp nhưng mua hàng với số lượng lớn, doanh nghiệp có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Với biện pháp khuyến mãi này công ty có thể tăng được quá trình luân chuyển vốn và hàng tồn kho, không chỉ giữ được khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai, khuyến khích khách hàng mua nhiều hàng hóa, giải phóng được lượng hàng tồn kho, thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

## **Ý kiến 3: Về việc thu hồi nợ**

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải là một doanh nghiệp nhỏ, doanh thu năm 2011 là 59.257.648.893 đồng trong khi đó công nợ tại doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2011 là 7.525.263.341 đồng. Công ty để công nợ khách hàng tương đối lớn, việc công nợ nhiều sẽ làm cho lượng vốn của doanh nghiệp bị ứ đọng, làm giảm quá trình luân chuyển vốn, ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Theo em để thu hồi công nợ, công ty nên:

- Tiến hành thu hồi công nợ trên mỗi hóa đơn bán hàng cho khách, không nên để công nợ cộng dồn cả tháng, cuối tháng tiến hành tổng hợp công nợ của khách. Điều này làm cho công nợ của khách hàng nhiều, gây khó khăn trong việc sử dụng và luân chuyển vốn tại doanh nghiệp.
- Ngoài việc doanh nghiệp phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng.
- Đối với khách hàng quá hạn trả nợ so với thời gian hợp đồng đã kí kết giữa công ty và khách hàng, doanh nghiệp tính lãi suất trên số tiền mà khách hàng trộm trả cho doanh nghiệp: lãi suất 3%/tháng thay vì 2%/tháng như hiện nay.
- Đối với khách hàng công nợ nhiều, kéo dài 2,3 tháng thậm chí cả năm, công ty nên tạm ngừng cung cấp hàng cho khách hàng đến khi khách hàng thanh toán hết nợ. Nếu khách hàng vẫn cố tình không trả nợ cho doanh nghiệp thì doanh nghiệp nên báo cho cơ quan chức năng.
- Bên cạnh đó doanh nghiệp nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán đối với những khách hàng thanh toán sớm, khuyến khích khách hàng thanh toán nợ cho công ty trước hạn thanh toán. Có thể:
  - + Đối với khách hàng công nợ từ 20.000.000 đồng – 50.000.000 đồng/ tháng thanh toán sớm từ 3 – 5 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 0.5%
  - + Đối với khách hàng công nợ từ 50.000.000 đồng – 100.000.000 đồng / tháng thanh toán sớm từ 3 – 5 ngày sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 0.8%
  - + Đối với khách hàng công nợ từ 100.000.000 đồng – 200.000.000 đồng/ tháng thanh toán sớm từ 3– 5 ngày sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 1%
  - + Đối với khách hàng công nợ trên 200.000.000 đồng/ tháng nếu thanh toán sớm 3-5 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 1.5%



Nếu doanh nghiệp làm tốt điều này sẽ góp phần đẩy nhanh quá trình luân chuyển vốn tránh tình trạng công nợ kéo dài đồng thời hạn chế tối đa công nợ khó đòi.

**Ví dụ:**

Ngày 30 tháng 11 năm 2011 doanh nghiệp bán 60.000kg dầu FO cho công ty cổ phần thương mại xây dựng Phú Cường Thịnh chưa thu tiền với số tiền 1.008.000.000đồng (thuế GTGT 10%). Công ty trả tiền hàng trước thời hạn cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng. Vì công ty thanh toán công nợ trước hạn 3 ngày nên được doanh nghiệp cho hưởng chiết khấu thanh toán là 3% trên số tiền nợ ( tiền chiết khấu được trả bằng chuyển khoản).

$$\begin{aligned} \text{Số chiết khấu thanh toán mà công ty được nhận là} &= 1.008.000.000 * 1.5\% \\ &= 15.120.000\text{đồng} \end{aligned}$$

Kế toán dựa vào hóa đơn, giấy báo nợ, giấy báo có đưa vào sổ Nhật kí chung và các Sổ Cái liên quan

**Khóa luận tốt nghiệp**

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm 2011

*Từ ngày 01/01/2011*

*Đến ngày 31/12/2011*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
30/11/2011	<b>HD 0000 85</b>	30/11/2011	<b>Bán chịu cho công ty CPTM xây dựng Phú Cường Thịnh 60.000kg dầu FO</b>	<b>131 511 333(1) 138</b>	<b>1.008.000.000</b>	<b>900.000.000 90.000.000 18.000.000</b>
30/11/2011	<b>PX K30/ 12</b>	30/11/2011	<b>Kế toán ghi nhận giá vốn</b>	<b>632 156</b>	<b>897.299.700</b>	<b>897.299.700</b>
			.....			
5/12/2011	<b>GBC</b>	5/12/2011	<b>Công ty CPTM xây dựng Phú Cường Thịnh trả tiền hàng cho doanh nghiệp</b>	<b>112 131</b>	<b>1.008.000.000</b>	<b>1.008.000.000</b>
5/12/2011	<b>GBN</b>	5/12/2011	<b>Chiết khấu thanh toán cho Công ty Phú Cường Thịnh</b>	<b>635 112</b>	<b>15.120.000</b>	<b>15.120.000</b>
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>596.097.613.883</b>	<b>596.097.613.883</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên)

Giám đốc  
(kí, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải

Số 49 lô 22 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

SHTK: 635

Từ ngày 01/01/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		-	-
		Phát sinh trong năm			
		.....			
<b>GBN</b>	<b>5/12/2011</b>	<b>Chiết khấu thanh toán cho Công ty Phú Cường Thịnh</b>	<b>112</b>	<b>30.240.000</b>	
		.....			
GBN	29/12/2011	Đã trả lãi vay vốn kinh doanh tháng 12	112	22.202.334	
PKT12	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tài chính năm 2011	911		1.016.707.343
		Cộng phát sinh		<b>1.016.707.343</b>	<b>1.016.707.343</b>
		Số dư cuối năm		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
( kí, họ tên )

Kế toán trưởng  
( kí, họ tên )

Giám đốc  
( kí, họ tên )

#### **Ý kiến 4: Phương pháp tính giá vốn hàng bán**

Hiện nay doanh nghiệp đang áp dụng phương pháp tính giá bình quân gia quyền cả kì để tính giá vốn hàng xuất kho. Phương pháp này đơn giản, dễ tính nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, phương pháp này hạn chế tính kịp thời của các thông tin giá vốn, không cung cấp được những thông tin cần thiết về trị giá vốn hàng xuất kho cho mỗi lần biến động hàng hóa vì thời điểm xác định trị giá vốn hàng xuất kho được tính vào cuối tháng. Do việc tính hàng tồn kho có ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nên kế toán cần áp dụng phương pháp nào để tính toán giá vốn một cách chính xác nhất, cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý vào bất kì thời điểm nào. Theo em, công ty nên áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập để tính giá vốn hàng xuất kho. Khi sử dụng phương pháp này, kế toán tập hợp số liệu dễ dàng và tính giá vốn xuất kho cũng chính xác hơn sẽ thể hiện được sự biến động của giá cả.

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

## KẾT LUẬN

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khóa luận : **“Hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải”** đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: khái quát những vấn đề lý luận về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, kế toán chi phí bán hàng và kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Về thực tế: đã nêu được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí cho hàng bán ra, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải.
- Về kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp, từ thực tế nắm bắt được, đối chiếu với lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý, công tác bán hàng và hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo góp ý của cô chú cán bộ Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải, của các thầy cô và của cô giáo hướng dẫn.

Hải Phòng, ngày....tháng....năm 2011

**Sinh viên**

**Nguyễn Thị Hồng Linh**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Quyển 1- Hệ thống tài khoản kế toán (Bộ Tài Chính- Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản Thống kê).
2. Quyển 2- Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán (Bộ Tài Chính- Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản Thống kê).
3. Các bài khóa luận của các anh chị khóa trước.
4. Các số liệu, sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty cổ phần vận tải biển Hồng Hải